

PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI _QUYÊN THƯỢNG_

Hán dịch: Đòi Hậu Tần_Nước Quy Tư (Kucina)_ Tam Tạng CƯU MA LA THẬP (Kumāra-jīva)

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Phật ngự trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gr̥dhra-kūṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gr̥ha) cùng với **Đại Tỳ Kheo Tăng** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm ba vạn hai ngàn người đến dự.

Bồ Tát Ma Ha Tát (Bodhisattva-mahāsattva) gồm bảy vạn hai ngàn người mà ai cũng đã biết, đều được **Đà La Ni** (Dhāraṇī), thành tựu **biện tài** (Pratibhāna) nói năng không tận, **an trụ Tam Muội** (Samādhi-supraṭiṣṭhita) mà chẳng động chuyển, khéo hay biết hết **Tuệ không có tận** (Akṣaya-prajña), được **Nhẫn** (Kṣānti) của **Pháp sâu xa** (Gambhīra-dharma), vào **Pháp Môn thâm sâu** (Gambhīra-dharma-mukha). Ở trong vô lượng **a tăng kỳ kiếp** (Asamkhyeya-kalpa) đã tu **Pháp lành** (Kusāla-dharma) thấy đều thành tựu. **Tồi phục chúng Ma** (Nihata-māra), giáng phục các **oán dịch** (Pratyarthika), nhiếp lấy **cõi Phật** (Buddha-kṣetra) tối tôn nghiêm tịnh, có Đại Từ Bi, các tướng nghiêm thân. Nơi **Đại Tinh Tiến được đến bờ kia** (Mahā-vīrya-pāramiṃgata), khéo biết tất cả **ngôn từ** (Nirukti) **phương tiện** (Upāya), **đầy đủ** (Sampanna) **hạnh** (Caryā) **uy nghi** (Īryāpatha) trong sạch. Xong rồi được trụ vào ba **Môn giải thoát** (Vimukṣa-mukha), dùng **Trí không ngại** (Apratihata-jñāna) thông đạt ba đời, phát tâm **quyết định** (Niścaya) chẳng buông bỏ tất cả, **nghĩ nhớ** (Smṛti) nghĩa thú, **kham nhẫn** (Kṣānti) Trí Tuệ. Các vị Bồ Tát ấy đều có **Đức Độ** (Guṇa) như vậy

Tên các vị ấy là: **Chuyển Bất Thoái Pháp Luân Bồ Tát** (Avaivartika-dharmacakra-pravartaka), **Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân Bồ Tát** (Upādita-citta-dharmacakra-pravartaka), **Vô Ngại Chuyển Pháp Luân Bồ Tát** (Anāvaraṇa-dharmacakra-pravartaka), **Ly Cấu Tịnh Bồ Tát** (Vimala-suddhi), **Trừ Chư Cái Bồ Tát** (Sarva-paryutthāna-viṣkambhin), **Thị Tịnh Uy Nghi Kiến Giai Ái Hỷ Bồ Tát** (Viśuddheryāpathasaṃdarśana-nandin), **Diệu Tướng Nghiêm Tịnh Vương Ý Bồ Tát** (Vara-lakṣaṇa-vyūha-rāja-mati), **Bất Cuồng Nhất Thiết Chúng Sinh Bồ Tát** (Sarva-sattvāviśaṃvādin), **Vô Lượng Công Đức Hải Ý Bồ Tát** (Ananta-guṇa-samudra-mati), **Chư Căn Thường Định Bất Loạn Bồ Tát** (Sadāsamāhitāvikṣiptendriya), **Thật Âm Thanh Bồ Tát** (Bhūtasvara), **Nhất Thiết Thiên Tán Bồ Tát** (Sarva-devastuti), **Đà La Ni Tụ Tại Vương Bồ Tát** (Dhāraṇīśvara-rāja), **Biện Tài Trang Nghiêm Bồ Tát** (Pratibhānālakṣāra), **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumārabhūta), **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya), **Tu Di Đỉnh Vương Bồ Tát** (Sumeru-kūṭa-rāja), **Hải Đức Bảo Nghiêm Tịnh Ý Bồ Tát** (Guṇa-ratna-vyūha-samudra-mati), **Đại Nghiêm Tịnh Bồ Tát** (Mahā-vyūha), **Đại Tướng Bồ Tát** (Mahā-lakṣaṇa), **Quang Tướng Bồ Tát** (Prabha-lakṣaṇa), **Quang Đức Bồ Tát** (Prabha-śrī), **Tịnh Ý Bồ Tát** (Viśuddha-mati), **Hỷ Vương Bồ Tát** (Prāmodya-rāja), **Kiên Thế Bồ Tát** (Dṛḍha-sthāma), **Kiên Ý Bồ Tát** (Dṛḍha-mati)

Bồ Tát Ma Ha Tát của nhóm như vậy gồm bảy vạn hai ngàn người với hết thầy Thích (Śakra), **Phạm** (Brahma), **Hộ Thế Thiên Vương** (Lokapāla-devarāja) và các hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lâu La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Già**

(Mahoraga), **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân (Amanuṣya)**... của **ba ngàn Đại Thiên Thế Giới** (Trisāhara-mahāsāhasra-lokadhātu) mà ai cũng đã biết, phần lớn đã **gieo trồng căn lành** (Avaropita-kuśalamūla), ưa thích Đại Pháp đều đến tập hội.

Bấy giờ **Kiên Ý Bồ Tát** (Dṛḍha-mati) ở trong Đại Hội, tác lời niệm này: “Nay Ta sẽ hỏi Đức Như Lai. Dùng câu hỏi ấy muốn thử hộ **hạt giống của Phật** (Buddha-vaṃśa), **hạt giống của Pháp** (Dharma-vaṃśa), **hạt giống của Tăng** (Saṃgha-vaṃśa) khiến cho các cung Ma bị che lấp chẳng thể hiện ra. Tồi phục kẻ **Tăng Thượng Mạn** (Abhimānika) tự cao. Vì người gieo trồng căn lành, nay khiến cho gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành, sẽ khiến cho **tăng trưởng** (Vardhana). Nếu có người chưa **phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anutpāditānuttara-samyaksambodhi-citta: phát Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác Tâm), sẽ khiến cho **phát Tâm** (Cittotpāda). Người đã phát Tâm, sẽ khiến cho **chẳng bị thoái chuyển** (Avaivartika). Người đã thoái chuyển, sẽ khiến cho mau được **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề**. (Anuttara-samyaksambodhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác). Người tính gộp mọi điều có được... **trụ vào các Kiến** (Dṛṣṭyabhinivṛta), thấy đều khiến cho phát Tâm xa lìa. Người **ưa thích Pháp nhỏ** (Hīnādhimuktika), khiến cho chẳng nghi ngờ Pháp lớn. Người **ưa thích Pháp lớn** (Udārabhimuktika), khiến cho sinh **vui vẻ** (Pramuditā)”

Tác niệm đó xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con muốn ở trong Pháp của Như Lai, có chút điều cần hỏi. Nguyện xin nghe hứa cho”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Tùy theo điều ông hỏi. Ta sẽ giải nói khiến cho ông vui vẻ”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Phải chẳng có Tam Muội hay khiến cho Bồ Tát mau được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thường được chẳng lìa, gặp thấy chư Phật, hay dùng **ánh sáng** (Avabhāsa) chiếu khắp mười phương, được **Tuệ tự tại** (Vikurvita-prajña) dùng **phá các Ma** (Mārānām nigrahāya), được **Trí tự tại** (Jñānavasītā), được **Trí tự nhiên** (Svajambhū-jñāna), được **Trí Vô Sinh** (Anupadīṣṭa-jñāna), hay **chẳng tùy theo kẻ khác** (Apara-praṇeya) mà được, **chẳng bị chặt đứt biện tài** (Anācchedya-pratibhāna), tận **bờ mé vị lai** (Aparāntakoṭi) được **Như Ý Túc** (Rddhipāda) thọ nhận **mạng vô lượng** (Aprameyāyus). Người ưa thích Thanh Văn là **Thanh Văn Thừa** (Śrāvaka-yāna), người ưa thích Bích Chi Phật là **Bích Chi Phật Thừa** (Pratyeka-buddha-yāna), người ưa thích Đại Thừa thì gọi là **Đại Thừa** (Mahāyāna). Thông đạt Pháp của Thanh Văn mà chẳng vào **Thanh Văn Đạo** (Śrāvakanīyāma), Thông đạt Pháp của Bích Chi Phật mà chẳng vào **Bích Chi Phật Đạo** (Pratyeka-buddhanīyāma), thông đạt Pháp của Phật mà rốt ráo **chẳng diệt tận** (Atiyanta-nirodha). **Thị hiện** (Saṃdarśayanti) **hình** (Saṃsthāna:hình tướng) **sắc** (Varṇa: màu sắc) **uy nghi** (Īryā-patha) của Thanh Văn mà bên trong chẳng lìa **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) của Phật, thị hiện hình sắc uy nghi của Bích Chi Phật mà bên trong chẳng lìa **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇā-citta) của Phật. Dùng sức **Tam Muội Như Huyền** (Māyopama-samādhi) thị hiện hình sắc uy nghi của Như Lai. Dùng sức của căn lành thị hiện ở ngay trên **Trời Đâu Suất** (Tuṣita), hiện **nhận thân sau** (Antimajātyādāna), **nhập vào bào thai** (Garbhāvakrānti), **sơ sinh** (Jāti), **xuất gia** (Abhinīṣkramaṇa), **ngồi ở Đạo Trường của Phật** (Bodhimaṇḍa-niṣīdana). Dùng sức Tuệ thâm sâu, hiện **chuyển bánh xe Pháp** (Dharmacakra-pravartana). Dùng sức phương tiện, hiện nhập vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Dùng sức Tam Muội, hiện **phân chia**

Xá Lợi (Śarīra-vibhāga). Dùng sức của **Bản Nguyện** (Pūrva-praṇidhāna), hiện **Pháp diệt tận** (Saddharma-vipralopa)

Dạ thưa! Bạch Đức Thế Tôn! Hành Tam Muội nào, hay khiến cho Bồ Tát thị hiện các việc Công Đức như vậy mà rốt ráo chẳng **nhập vào Niết Bàn** (Parinirvāṇa)?”

Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát rằng: “**Lành thay** (Sādhu)! Lành Thay Kiên Ý! Hay hỏi Như Lai về **nghĩa** (Artha) như vậy. Nên biết ông hay làm **nhiều việc nhiều ích** (Bahujanahitāya) **an vui** (Sukha) cho chúng sinh, **thương xót Thế Gian** (Lokānukampayai), lợi an Trời Người. Bồ Tát của đời này, đời sau được nương nhờ lợi ích. Nên biết ông đã gieo trồng sâu căn lành, cúng dường gần gũi vô lượng trăm ngàn ức Phật đời quá khứ, hành khắp các **Đạo** (Mārga), **giáng phục Ma Oán** (Nihata-mārapratyarthika), ở trong **Phật Pháp** (Buddha-dharma) được **Trí tự tại** (Svatantra-jñāna), giáo hóa thủ hộ các chúng Bồ Tát, đã biết tất cả **Pháp Tạng của chư Phật** (Buddha-dharma-kośa), từng ở **hàng hà sa đẳng** (Gaṅgānadī-vālukopama) cõi Phật thành tựu **việc hỏi đáp** (Praśna-vyākaraṇa).

Này Kiên Ý! Như Lai ở trong **Chúng Hội** (Paṇṣad) này chẳng thấy có Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà với các Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật nào có thể thưa hỏi như vậy. Chỉ có bậc Đại Trang Nghiêm của các ông mới có thể phát ra câu hỏi như vậy. Nay ông hãy lắng nghe! hãy khéo nghĩ nhớ, Ta sẽ vì ông, các Bồ Tát **thành tựu** (Sampanna) Tam Muội được **Công Đức** (Guṇa) đó lại qua chôn này”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “Con vui nguyện muốn nghe”

Đức Phật bảo: “Này Kiên Ý! Có **Tam Muội** (Samādhi) tên là **Thủ Lăng Nghiêm** (Śuraṅgama). Nếu có Bồ Tát được Tam Muội đó, như ông đã hỏi, đều hay thị hiện ở **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa) mà chẳng diệt hẳn. Bày các hình sắc mà chẳng hoại sắc tướng. **Đạo khắp** (Saṃcaraṇa) tất cả **quốc độ của chư Phật** (Sarva-buddha-kṣetra) mà ở **quốc độ** (Kṣetra) **không có chỗ phân biệt** (Na vikalpayanti). Thấy hay được gặp tất cả chư Phật mà chẳng **phân biệt** (Viśeṣa). Pháp **Tính bình đẳng** (Samatā) thị hiện hành khắp tất cả các **Hạnh** (Caryā) mà hay khéo biết các **Hạnh trong sạch** (Caryā-pariśodhana). Là bậc **tối tôn tối thượng** (Ādhipatyā) nơi các Trời Người mà chẳng **tự cao** (Stambha) **kiêu mạn** (Māna) **phóng dật** (Pramāda). Hiện hành tất cả **sức tự tại** (Aisvarya) của Ma mà chẳng dựa theo **việc Ma đã làm** (Māra-karma). Đi khắp trong tất cả **ba cõi** (Traidhātuka) mà ở Pháp tướng không có chỗ động chuyển. Thị hiện sinh khắp ở trong các **lối nẻo** (Gati) mà chẳng phân biệt tướng có các nẻo. Khéo hay giải nói tất cả **Pháp Cú** (Dharmapada), dùng các **ngôn từ** (Nirukti) **mở bày nghĩa ấy** (Saṃprakāśayanti) mà biết **văn tự** (Akṣara) nhập vào **tướng bình đẳng** (Samatā), nơi các ngôn từ không có chỗ phân biệt. Thường ở tại **Thiền Định** (Samāhita) mà hiện **giáo hóa** (Paripācayanti) chúng sinh. Hành ở **Tận Nhẫn** (Kṣaya-kṣānti), **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti) mà nói các Pháp có **tướng** (Lakṣaṇa): **sinh** (Utpada) **diệt** (Nirodha). **Bước đi một mình** (Ekacārin) **không có sợ hãi** (Viśārada) giống như **sur tử** (Simha)”

Khi ấy trong Hội, các hàng Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương, tất cả Đại Chúng đều tác niệm là: “Chúng ta do chưa từng nghe tên gọi của Tam Muội đó, huống chi được nghe, **giải nói nghĩa** (Artha-vibhāga) ấy. Nay đến gặp Phật mong được Thiện Lợi, đều cùng được nghe nói tên gọi của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Nếu **kẻ trai lành** (Kulaputra), **người nữ thiện** (Kuladuhitā) cầu Phật Đạo, nghe nghĩa thú của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, **tin hiểu** (Adhimucyate) chẳng nghi, nên biết người ấy đều chẳng bị thoái chuyển nơi Phật Đạo, huống chi **tin xong** (Adhimucya), **thọ trì**

(Udgrhñati dhārayati) **đọc tụng** (Vācayati), **vì người khác nói** (Parebhyah samprakāśayanti), **tu hành** (Bhāvanā) như nói”

Thời các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều tác niệm là: “Nay chúng ta vì Đức Phật Như Lai bày **tòa Sư Tử** (Simhāsana), **tòa Chính Pháp** (Saddharmāsana), **tòa Đại Thượng Nhân** (Satpuruṣāsana), **tòa Đại Trang Nghiêm** (Mahāvīyūhāsana), **tòa Đại Chuyển Pháp Luân** (Mahādharmacakra-pravartanāsana)... rồi thỉnh Đức Như Lai ngồi trên tòa của ta, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Người người trong đó, mỗi mỗi đều ở vị trí của mình, chỉ có ta vì Đức Phật bày tòa Sư Tử còn người khác thì chẳng thể làm”

Bây giờ Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều vì Đức Như Lai bày tòa sư tử **cao lớn** (Unnata) **đoan nghiêm** (Alaṃkṛta) **thanh tịnh** (Vīśuddha) **trang trọng** (Darśanīya) với **bày vô lượng áo báu** (Aparamaṇa-ratna-vastrā-sīrṇa). Ở trên Tòa ấy thấy đều **giương dựng** (Vitāna) mọi **lọng báu** (ratna-cchatra) màu nhiệm, lại dùng mọi **vật báu** (Ratna) làm **lan can** (Vedikā). Ở bên trái Tòa có vô lượng **cây báu** (ratna-vṛkṣa) với cành lá chen nhau, xếp thành hàng tương xứng với nhau. Các **cây phướng** (Dhvaja), **phan** (Patāka), **trướng** (Vitāna), **trướng báu lớn** (Mahā-ratna-vitāna) rủ xuống. Mọi vật báu xen kẽ nhau, treo các **chuông báu** (Ratna-kinṅiṇī). Bên trên **tán rải đủ mọi loại hoa** (Nānāvidha-puṣpābhikīrṇa) màu nhiệm. Chư Thiên đốt mọi thứ **hương thơm** (Gandha) xông ướp (Vāsita). **Vàng** (Hema), **bạc** (Rūpya), **mọi báu** (Ratna) tỏa ánh sáng xen nhau. Mọi loại nghiêm tịnh không có gì không có đủ. Trong khoảng khắc ở trước mặt Đức Như Lai có tám vạn bốn ngàn ức Tòa Sư Tử báu đều ở tại Chúng Hội mà không hề gây chướng ngại cho nhau

Mỗi một vị Thiên Tử chẳng nhìn thấy Tòa khác, mỗi mỗi đều tác niệm là: “Riêng mình ta vì Đức Phật bày tòa Sư Tử. Đức Phật sẽ ở trên tòa của Ta, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Thời các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương bày Tòa xong rồi, đều bạch Phật rằng: “Nguyện xin Đức Như Lai ngồi trên tòa của con, nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Tức thời Đức Thế Tôn hiện đại thần lực, ngồi khắp trên tám vạn bốn ngàn ức Tòa. Chư Thiên mỗi mỗi đều thấy Đức Phật ngồi trên Tòa do mình an bày mà chẳng nhìn thấy Tòa khác.

Có một vị Đế Thích nói với vị Đế Thích khác rằng: “Ông hãy xem, Đức Như Lai ngồi trên tòa của tôi”

Như vậy Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đều cùng nhau nói là: “Ông nhìn xem, Đức Như Lai ngồi trên Tòa của tôi”

Có một vị Đế Thích nói: “Nay Đức Như Lai chỉ ngồi trên tòa của tôi chứ chẳng ngồi tại tòa của ông”

Bây giờ Đức Như Lai biết các Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương có **duyên đời trước** (Pūrva-pratyaya: túc duyên) đáng độ, lại muốn hiện chút ít **thế lực** (Prabhāva) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, cũng vì thành tựu **Hạnh Đại Thừa** (Mahā-yāna-caryā) cho nên khiến các Chúng Hội đều thấy Đức Như Lai ngồi khắp trên tám vạn bốn ngàn ức na do tha tòa Sư Tử báu.

Tất cả Đại Chúng đều rất **vui vẻ** (prīti-pradyodya) **được điều chưa từng có** (Adbhuta-prāpta), **đều từ chỗ ngồi đứng dậy** (Utthīyāsanāt) **chấp tay** (Pragrhitāñjali) lễ Phật, rồi đều nói lời này: “Lành thay! Đức Thế Tôn có uy thần vô lượng khiến cho các **Thiên Tử** (Deva-putra) đều **mãn ước nguyện** (Āśaya-paripūrṇa).

Các Thiên Tử ấy đã vì Đức Như Lai tạo làm Tòa ngò, nhìn thấy **thần lực** (Rddhi-pratihārya: Thần Thông biến hóa) của Đức Phật đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều bạch Phật rằng: “*Thế Tôn! Chúng con vì muốn **cúng dường** (Pūjana) Đức Như Lai, **diệt trừ khổ não của tất cả chúng sinh** (Sarvasattva-du,hkha-prasamana), **thủ hộ Chính Pháp** (Saddharma-parigraha) **chẳng cho đứt mất hạt giống Phật** (Buddha-vamsānupaccheda) . Vì thế cho nên đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nguyên khiến cho chúng con ở **đời vị lai** (Anāgate’dhvani) thành Phật có sức **uy thần** (Vikurvaṇa) như vậy, biến hiện như Đức Như Lai đã làm ở ngày nay”*

Khi ấy Đức Phật khen các Thiên Tử rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh nên phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là **sự cúng dường Như Lai lớn nhất** (Parama-pūjā)”

Thời trong Phạm Chúng có một vị Phạm Vương tên là **Đẳng Hạnh** (Samatāvihārin) bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Như Lai của nhóm nào mới là chân thật, là vị ngò trên tòa của con hay là vị ngò trên tòa khác?”

Đức Phật bảo: “Này Đẳng Hạnh! Tất cả các Pháp đều **trống rỗng** (Sūnya:không) **như huyễn** (Māyopama), theo sự hòa hợp mà có hay không có. Sự tạo tác đều từ **tưởng nhớ phân biệt mà khởi** (Viñhapana-parikalpa-pratyusthita), do **không có chủ** (Asvāmika) cho nên tùy ý mà ra. Các Như Lai đó đều là **chân thật** (Bhūta). Tại sao là thật? Các Như Lai đó vốn tự chẳng sinh, vì thế là thật. Các Như Lai đó: ngày nay, ngày sau cũng không có, vì thế là thật. Các Như Lai đó chẳng phải **vay mượn** (Samgrhīta) bốn Đại, vì thế là thật. Các **Uẩn** (Skandha), **Nhập** (Āyatana), **Giới** (Dhātu) đều không có chỗ nhiếp lấy, vì thế là thật. Các Như Lai đó như **chặng đầu** (Ādau), **khoảng giữa** (Madhye), **chặng cuối** (Paryavasāne) **không có sai biệt** (Nirviśeṣa), vì thế là thật.

Này Phạm Vương! Các nhóm Như Lai đó không có sai biệt. Tại sao thế? Các Như Lai đó dùng **hình chất** (Rūpa: Sắc) **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Dùng **cảm giác** (Vedanā: thọ), **tri giác** (Samjñā: tưởng), **hoạt động tâm ý** (Saṃskāra: hành), **nhận thức** (Vijñāna: thức) **Như** (Tathā) cho nên ngang bằng. Các Như Lai đó dùng **đời quá khứ Như** (Atītādhvatathā) cho nên ngang bằng. Dùng **đời vị lai Như** (Anāgatādhvatathā) cho nên ngang bằng. Dùng **đời hiện tại Như** (Pratyutpannādhvatathā) cho nên ngang bằng. Dùng **Pháp Như Huyền** (Māyādharmopama) cho nên ngang bằng. Dùng **Pháp như bóng ảnh** (Marīci-dharmopama) cho nên ngang bằng. Dùng **Pháp không có sở hữu** (Asat) cho nên ngang bằng. Dùng **Pháp không có chỗ theo đến** (Nirgama) cho nên ngang bằng. Chính vì thế cho nên Như Lai có tên là **Bình Đẳng**

Như tất cả Pháp ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như tất cả chúng sinh ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như chư Phật của tất cả Thế Gian ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Như tất cả Thế Gian ngang bằng, các Như Lai đó cũng lại như vậy. Chính vì thế cho nên chư Phật có tên là Bình Đẳng

Này Phạm Vương! Các Như Lai đó **chẳng vượt qua tất cả các Pháp Như** (Sarva-dharmāṇaṃ tathatāṃ nātikrānti) cho nên gọi tên là Bình Đẳng

Phạm Vương nên biết. Như Lai thầy đều biết tất cả các Pháp bình đẳng như vậy. Chính vì thế cho nên Như Lai ở tất cả Pháp, có tên là Bình Đẳng”

Đẳng Hạnh Phạm Vương bạch Phật rằng: “**Thật chưa từng có** (Adbhuta)! Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai được **các Pháp ngang bằng** (Sarva-dharma-samatā) đó xong, dùng **sắc thân** (Rūpa-kāya) màu nhiệm hiện bày (thị hiện) cho chúng sinh”

Đức Phật nói: “Này Phạm Vương! Đó đều là **Sở Trí** thuộc **thế lực** (Prabhāva) **Bản Hạnh** (Pūrvacarita) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Do việc đó cho nên Như Lai được các Pháp ngang bằng xong thì dùng sắc thân màu nhiệm hiện bày cho chúng sinh”

Lúc nói Pháp đó thời **Đẳng Hạnh Phạm Vương** với một vạn Phạm Thiên ở trong các Pháp được **Nhu Thuận Nhẫn** (Anulomikī-kṣānti)

Bấy giờ Đức Như Lai thân Thần Lực lại thì chư Phật với tòa ngồi đều chẳng hiện ra, tất cả Chúng Hội chỉ thấy có một Đức Phật

Khi ấy Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “**Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śuraṃgama-samādhi) chẳng phải là chỗ đắc được của Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Chỉ có Bồ Tát trụ tại Thập Địa mới có thể đắc được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó.

Nhóm nào là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội? Ấy là:

- 1_ Tu trì Tâm giống như hư không
- 2_ Quán sát các Tâm của chúng sinh hiện tại
- 3_ Phân biệt các **căn Lợi, Độn** (Indriya-parāpara) của chúng sinh
- 4_ Quyết định biết hết **nhân quả** (Hetu-phala) của chúng sinh
- 5_ Ở trong các Nghiệp, biết không có **ngiệp báo** (Karma-vipāka)
- 6_ Vào mọi loại Lạc Dục, vào xong **chẳng quên** (Asaṃpramosa)
- 7_ Hiện biết vô lượng mọi loại các Tính
- 8_ Thường **Năng Du Hý Hoa Âm Tam Muội** (Brahmasvara-samādhi vikrīdana), **Năng Thị Chúng Sinh Kim Cương Tâm Tam Muội** (Vajropama-samādhi-samprakāśana), tất cả **Thiền Định** (Samāpatti) tự tại tùy ý
- 9_ Quán khắp tất cả nơi đến của các Đạo
- 10_ Đối với **Túc Mệnh Trí** (Pūrvanivāsa-jñāna), được không có chỗ ngăn ngại
- 11_ **Thiên Nhãn** (Devya-cakṣu) không bị ngăn che
- 12_ Được **Lậu Tận Trí** (Āsrava-kṣaya-jñāna), **chẳng phải thời** (Akālaṃ) chẳng chúng
- 13_ Nơi **Sắc** (Rūpa), **Vô Sắc** (Arūpa) được **Đẳng Nhập Trí** (Samatā-praveśa-jñāna)
- 14_ Nơi **tất cả sắc** (Sarva rūpa), **thị hiện du hý** (Saṃdarśana-vikrīdana)
- 15_ Biết các **âm thanh** (Svara-ghoṣa) **giống như tướng của tiếng vang vọng lại** (Pratīśrutkāśama)
- 16_ **Thuận vào Niệm Tuệ** (Smṛti-prajñānupraveśa)
- 17_ Hay dùng **lời nói khéo** (Subhāṣita) khiến chúng sinh ưa thích
- 18_ **Tùy ứng** (Yathā-pratyarham) **nói Pháp** (dharma-deśanā)
- 19_ Biết **đúng thời** (kāla), **chẳng đúng thời** (Akāla)
- 20_ **Hay chuyển các căn** (Indriya-pāravṛtti)
- 21_ **Nói Pháp chẳng hư dối** (Anirarthaka- dharma-deśanā)
- 22_ **Thuận vào Chân Tế** (Bhūtakṣāyanupraveśa)
- 23_ **Khéo hay nhiếp phục các loại chúng sinh** (Sattvajāta-saṃgrahana-kuśala)
- 24_ **Thầy hay đầy đủ các Ba La Mật** (sarva-pāramitā-paripūri)
- 25_ **Uy nghi** (Īryāpatha) tiến, dùng chưa từng có khác
- 26_ **Phá các nhớ tưởng, hư vọng phân biệt** (Sarva-kalpa-vikalpa-parikalpa-prahāna)
- 27_ Chẳng hoại **Pháp Tính** (Dharmatā ? Dharmadhātu: Pháp Giới) tận **bờ mé** (Prāntakoṭi) ấy

- 28_ Một lúc hiện thân trụ tất cả chỗ của Phật
- 29_ Hay **giữ gìn tất cả Pháp mà Phật đã nói** (Sarva-buddha-dharma-deśanā dhāraṇa)
- 30_ Ở khắp trong các **Thế Gian** (Lokadhātu), **tụ tại biến thân** (Kāya-vikurvaṇa) **giống như ảnh hiện** (Marīci-sama)
- 31_ Khéo nói các Thừa độ thoát chúng sinh, thường hay hộ trì **Tam Bảo** (Tri-ratnā) chẳng dứt
- 32_ Phát Đại Trang Nghiêm tận bờ mé vị lai mà Tâm chưa từng có tướng **một mỗi** (Parikheda)
- 33_ Ở khắp tất cả các **nơi sinh ra** (jāti-sthāna) thường hay hiện thân tùy thời chẳng dứt
- 34_ Ở các nơi sinh ra, bày có chỗ tạo làm
- 35_ **Khéo hay thành tựu tất cả chúng sinh** (sarvasattva-paripācana kauśala)
- 36_ Khéo hay hiểu biết tất cả chúng sinh
- 37_ Tất cả **Nhị Thừa** (Dvitiya-yāna) chẳng thể đo lường
- 38_ Khéo hay biết đủ các **phần âm thanh** (Svarāṅga)
- 39_ Hay khiến cho tất cả các Pháp **lớn mạnh** (Pradīpta)
- 40_ Hay khiến cho **một kiếp** (Eka-kalpa) làm **A Tăng Kỳ Kiếp** (Asaṃkhyeya-kalpa)
- 41_ A tăng kỳ kiếp khiến làm một kiếp
- 42_ Hay khiến cho **một đất nước** (Eka-kṣetra) nhập vào **a tăng kỳ đất nước** (Asaṃkhyeya-kṣetra)
- 43_ A tăng kỳ đất nước nhập vào một đất nước
- 44_ Vô lượng cõi Phật nhập vào một lỗ chân lông
- 45_ Tất cả chúng sinh bày vào một thân
- 46_ Hiểu các cõi Phật đồng như hư không
- 47_ Thân hay biến đến cõi Phật không dư sót
- 48_ Khiến cho tất cả thân nhập vào Pháp Tính đều khiến cho không có thân
- 49_ Tất cả Pháp Tính thông đạt **không có tướng** (Alakṣaṇa: vô tướng)
- 50_ Khéo hay biết hết tất cả phương tiện
- 51_ **Một âm đã nói** (Ekavāgudāhāreṇa) thảy hay thông đạt **tất cả Pháp Tính** (Sarva-dharma-svabhāva)
- 52_ Diễn nói **một câu** (Ekapada) hay đến vô lượng a tăng kỳ kiếp
- 53_ Khéo quán **tất cả Pháp Môn sai biệt** (Sarva-dharma-mukha prakaraṇa)
- 54_ Khéo biết **đồng, dị, lược** (Peyālam), **rộng** (Vistareṇa) nói Pháp
- 55_ Khéo biết **vượt qua tất cả Ma Đạo** (Sarva-māra-mārgātikramaṇa)
- 56_ **Phóng ánh sáng Trí Tuệ của phương tiện lớn** (Mahopaya-prajña prajñā-raśmi pramocana)
- 57_ **Nghiệp thân khẩu ý** (Kāyavānmanas-karmaṇi) ... dùng **Trí Tuệ làm đầu** (Jñāna-pūrvamgamāni)
- 58_ **Không hành** (Anabhisamkāraṃ) mà **Thần Thông** (Abhijñā) thường hiện ngay trước mặt
- 59_ Dùng bốn Trí Vô Ngại khiến cho tất cả chúng sinh **vui vẻ** (Saṃsuṣṭi)
- 60_ Hiện sức Thần Thông, thông tất cả Pháp Tính
- 61_ Hay dùng **Nhiếp Pháp** (Saṃgraha-vastu), **nhiếp khắp chúng sinh** (Sattva-parigrahaṇa)
- 62_ Hiểu các **Ngữ Ngôn** (Vyavahāra) của chúng sinh trong Thế Gian
- 63_ Đối với Pháp Như Huyền, không có sự nghi ngờ

- 64_ Khấp tất cả nơi sinh ra, đều hay tự tại
- 65_ Vật cần dùng đều tùy ý, không có thiếu
- 66_ Tự tại thị hiện tất cả chúng sinh
- 67_ Đối với việc Thiện, Ác đều đồng **ruộng Phước** (Pūṇya-kṣetra)
- 68_ Được vào Pháp **bí mật** (Guhya) của tất cả Bồ Tát
- 69_ Thường phóng ánh sáng chiếu soi Thế Giới không dư sót
- 70_ **Trí** (Jñāna) ấy **sâu xa** (Gambhīra) **không thể tính được** (Duravagāha)
- 71_ **Tâm** (citta) ấy giống như **Đất** (Pṛthivī), **Nước** (Ap), **Lửa** (Tejas), **Gió** (Vāyu)
- 72_ Khéo đối với **chương cú** (Pada) **ngôn từ** (Nirdeśa) của các Pháp mà **chuyên bánh xe Pháp** (Dharmacakra-pravartana)
- 73_ Đối với **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi) **không có chỗ chướng ngại** (Anāvaraṇām)
- 74_ Tự nhiên mà được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti)
- 75_ Được Tâm như thật, các **phiền não cấu** (Kleśa-mala) không thể gây ô nhiễm được
- 76_ Khiến tất cả nước nhập vào một lỗ chân lông mà chẳng quấy rối Tính của nước
- 77_ Tu tập vô lượng **Phước Đức** (Punya), **căn lành** (Kusāla-mūla)
- 78_ Khéo biết tất cả **phương tiện hồi hướng** (Upāya-pariṇāmana)
- 79_ Khéo hay hành khắp tất cả các **Hạnh Bồ Tát** (Bodhisattva-caryā)
- 80_ Phật, tất cả Pháp, Tâm... được **an ổn** (Kṣema)
- 81_ Đã được xa lìa bản thân của **Nghiệp đời trước** (Pūrva-karman: túc nghiệp)
- 82_ Hay vào **Pháp Tạng bí mật** (Gūḍha-dharma-kośa) của chư Phật
- 83_ Thị hiện tự ban cho du hý các Dục
- 84_ Nghe vô lượng Pháp, hay giữ gìn đầy đủ
- 85_ **Câu tất cả Pháp** (sarva-dharma paryeṣṇā), tâm không chán bỏ
- 86_ **Thuận các Pháp ở đời** (Lokadharmānuvartana) mà chẳng nhiễm ô
- 87_ Ở vô lượng kiếp vì người nói Pháp đều khiến cho nói là như chỉ qua **một bữa ăn** (Pūrvāhṇa)
- 89_ Thị hiện mọi loại lưng gù, tàn tật, què chân, **đi khập khễnh** (Khañja), **điếc tai** (Badhira), **mù lòa** (Andha), **câm ngọng** (Mute)... để hóa độ chúng sinh
- 89_ Trăm ngàn **Mật Tích Kim Cương Lực Sĩ** (Vajra-guhyakādhipati-vajra-pāni) **thường theo hộ vệ** (Nityānubaddha)
- 90- Tự nhiên hay quán biết các Phật Đạo
- 91_ Hay ở một niệm, bày nhận tuổi thọ của vô lượng vô số kiếp
- 92_ Hiện hành tất cả Nghi Pháp của Nhị Thừa mà bên trong chẳng buông bỏ các Hạnh Bồ Tát
- 93_ Tâm ấy khéo **rõng lạng** (Praśānta), **không có tướng** (Ānimitta)
- 94_ Đối với các kỹ nhạc hiện tự vui thích mà bên trong chẳng buông bỏ **Niệm Phật Tam Muội** (Buddhānusmṛti-samādhi)
- 95_ Hoặc **thấy** (Dṛṣṭe) hoặc **nghe** (Śrute) với **tiếp chạm** (Sprṣṭe) cùng **trụ** (Samsthite) đều hay **thành tựu vô lượng chúng sinh** (Apramāṇa-sattva paripacāna)
- 96_ Hay đối với niệm niệm, bày **thành Phật Đạo** (Abhisambodhi), tùy theo Bản Sở Hóa khiến được **giải thoát** (Vimukti)
- 97_ Thị hiện **vào thai** (Garbhāvakrānti), **lúc mới sinh ra** (janman)
- 98_ **Xuất gia** (Abhiniṣkramaṇa), **thành tựu Phật Đạo** (Abhisambodhana)
- 99_ **Chuyên bánh xe Pháp** (Dharmacakra pravartana)

100_ Nhập vào Đại Diệt Độ mà chẳng diệt hẳn

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, như vậy **vô lượng** (Apramāṇa) thấy hay bày tất cả Thần Lực của Phật, vô lượng chúng sinh đều được nhiều ích

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chẳng thể dùng **một việc** (Ekapada: một bộ phận), **một duyên** (Ekālabhāna: một nơi Duyên), **một nghĩa** (Ekārtha) mà có thể biết. Tất cả **Thiền** (Dhyāna), **Định** (Samāpatti), **Giải Thoát** (Vimokṣa), **Tam Muội** (Samādhi), **Thần Thông** (Abhijñā), **Như Ý Vô Ngại** (Abhijñā: Thần Lực tự tại), **Trí Tuệ** (Pratiṣamvijñāna) đều **niếp ngay** (Saṃgrhīta) trong Thủ Lăng Nghiêm. Ví như hồ, suối, sông nhỏ, sông lớn, các giòng chảy đều nhập vào **biển lớn** (Mahā-samudra). Như vậy hết thấy **Thiền** (Dhyāna), **Định** (Samāpatti) của Bồ Tát đều ở tại Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Ví như **Chuyển Luân Thánh Vương** (Cakravartin-rāja) có **đại dũng tướng** (Śūrasenāpati), **bốn loại binh** (Catur-aṅgabala) thấy đều theo hầu

Này Kiên Ý! Như vậy hết thấy **Tam Muội Môn** (Samādhi-mukha), **Thiền Định Môn** (Samāpatti-mukha), **Biện Tài Môn** (Pratibhāna-mukha), **Giải Thoát Môn** (Vimokṣa-mukha), **Đa La Ni Môn** (Dhāraṇī-mukha), **Thần Thông Môn** (Abhijñā-mukha), **Minh Giải Thoát Môn** (Vidyā-vimukti-mukha). Các **Pháp Môn** (Dharma-mukha) đó thấy đều nhiếp tại Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Tùy có Bồ Tát hành **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** thì tất cả **Tam Muội** (Samādhi) thấy đều tùy thuận theo.

Này Như Ý! Ví như lúc Chuyển Luân Thánh Vương đi thời có **bảy báu** (Saptaratna) đều theo. Như vậy Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có tất cả **Pháp Trợ Bồ Đề** (Bodhi-pākṣika-dharma) thấy đều tùy theo. Chính vì thế cho nên Tam Muội này có tên là **Thủ Lăng Nghiêm** (Sūraṃgama)”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng hành cầu **tài** (Bhoga) mà đem bố thí hết thấy **vật báu** (Ratnadravya), **thức ăn** (Anna) **uống** (Pāna), **quần áo** (Vastra), **voi** (Hastin), **ngựa** (Aśva), **xe cộ** (Yāna) trong **Đại Thiên Thế Giới** (Mahā-sāhasra-lokadhātu) với các **biển lớn** (Mahā-samudra), **cung Trời** (Deva-bhavana), **Nhân Gian** (Maṇuṣya-loka)... Mọi vật của nhóm như vậy đều tự tại đem cho. Đây đều là Sở Trí của **Bản Công Đức** (Pūrva-puṇya), hướng chỉ dùng **Thần Lực** (Ṛddhi-bala) tùy ý tạo làm. Đây gọi là **Bản Sự Quả Báo** (Phala-viśeṣa) **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng thọ Giới lại, đối với Giới chẳng động. Vì muốn **giáo hóa** (Vinaya) các chúng sinh cho nên hiện **thọ trì các uy nghi** (Īryāpatha pratigrahaṇa) của **Giới Hạnh** (Śīlasamādāna: thọ trì Giới), là có chỗ phạm diệt trừ tội lỗi mà **bên trong** (Adhyātmam: nội tâm) **thanh tịnh** (Viśuddha), thường **không có khuyết mắt** (Anāpattika: không có phạm). Vì muốn giáo hóa các chúng sinh cho nên sinh ở **cõi Dục** (Kāma-dhātu) làm Chuyển Luân Vương có các **chúng cung nữ** (Antaḥpura-sevaka-kāya: Chúng ở trong cung vua) cung kính **vây quanh** (Parivṛtta), hiện có **vợ** (Bhāryā) **con** (Putra), **năm Dục** (Pañca-kāma), tự phóng túng mà bên trong thường **tại Thiền Định** (Samādhistha) **Tịnh Giới** (Viśuddha-śīla), khéo hay **thấy hết lỗi lầm** (Doṣa-darśana) của **ba cõi** (Bhava-traya: ba Hữu).

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Thi Ba La Mật** (Śīla-pāramitā: Giới Ba La Mật) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, **tu hành Nhẫn Nhục** (Kṣāntim bhāvayati) trọn đủ hết, cho nên chúng sinh chẳng sinh mà tu nơi Nhẫn,

các Pháp chẳng khởi mà tu nơi Nhẫn, **Tâm** (Citta) không có **hình sắc** (Samsthānavarṇa) mà tu nơi Nhẫn, chẳng được **Ta** (Ātman) **Người** (Para) mà tu nơi Nhẫn, chẳng niệm **sinh tử** (Saṃsāra) mà tu nơi Nhẫn, dùng **Tính Niết Bàn** mà tu nơi Nhẫn, **Pháp Tính** (Svabhāvata: Tự Tính) **chẳng hoại** (Abhedya) mà tu nơi Nhẫn. Bồ Tát tu hành Nhẫn Nhục như vậy mà không có chỗ tu cũng không có gì không tu, vì hóa độ chúng sinh sinh ở **cõi Dục** (Kāma-dhātu: Dục Giới) hiện có **sân nô** (Vyāpāda) mà bên trong thanh tịnh, hiện hành xa lìa mà không có xa gần, vì chúng sinh hoại uy nghi của đời mà chưa từng hoại Tính của các Pháp, hiện có chỗ Nhẫn mà không có Pháp, thường định chẳng hoại có thể dùng để **Nhẫn**. Bồ Tát thành tựu Nhẫn Nhục như vậy vì chặt đứt tâm ác nhiều giận dữ của chúng sinh mà thường khen ngợi **Phước của Nhẫn Nhục** (Kṣānti-puṇya), cũng lại chẳng được giận dữ nhẫn nhục

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Sạn Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā: Nhẫn Nhục Ba La Mật) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, phát **đại tinh tiến** (Mahā-vīryam) được các **Pháp lành** (Kusāla-dharma) mà chẳng phát động Nghiệp của thân khẩu ý. Vì người **lười biếng** (Kuṣīda) mà hiện hành tinh tiến, muốn khiến chúng sinh tùy theo bất chước **sự học** (Śikṣā) của Ta mà đối với các Pháp không có **phân phát** (Ārambha) không có **thọ nhận** (Ādāna). Tại sao thế? Vì Bồ Tát đều biết tất cả các Pháp thường trụ Pháp Tính chẳng **đến** (Āgamana) chẳng **đi** (Nirgama). Như vậy xa lìa hành của Thân Khẩu Ý mà hay thị hiện **phát hành tinh tiến** (Vīryam ārabdhum), cũng chẳng thấy Pháp có người thành tựu. Hiện ở Thế Gian phát hành tinh tiến nhưng ở **bên trong** (Adhiyātman) **bên ngoài** (Bahirdhā) không có chỗ **tạo làm** (Ārambha). Thường hay đi đến vô lượng **nước Phật** (Buddha-kṣetra) nhưng nơi thân tướng **bình đẳng** (Sama) **chẳng động** (Acala). Hiện bày phát hành tất cả Pháp lành nhưng đối với các Pháp chẳng được **Thiện** (Kusāla) **Ác** (Akusāla). Hiện hành **câu Pháp** (Dharma-paryeṣaṇa) có nơi hỏi nhận nhưng đối với Phật Đạo chẳng tùy theo Giáo khác. Hiện hành gần gũi **Hòa Thượng** (Ācārya: A Xà Lê) **các Thầy** (Upādhyāya) nhưng làm tất cả các **Tôn của Trời Người** (Śāṣṭā-devamanuṣyāṇam: Thiên Nhân Tôn). Hiện cần thỉnh hỏi nhưng bên trong tự được **Biện Tài không có chướng ngại** (Apratihata-pratibhāna). Hiện hành **cung kính** (Satkāra) nhưng làm nơi kính ngưỡng của tất cả Trời Người. Hiện vào bào thai nhưng đối với các Pháp không có chỗ **niễm** (Kliṣṭa) **đơ** (Mala). Hiện có **sinh ra** (Prasūta) nhưng đối với các Pháp chẳng thấy sinh diệt. Hiện làm **trẻ con** (Dāraka) nhưng **các Căn của thân thấy đều đầy đủ** (Paripūrṇendriya). Hiện hành **kỹ nghệ** (Śilpasthana), **y phương** (Cikitsāvidyā: nghề làm thuốc), **văn chương** (Lipi), **toán số** (Samkhyā), **công xảo sự năng** (Karmasthāna)... nhưng bên trong trước nay thấy đều thông đạt. Hiện có **bệnh** (Glāna) khổ nhưng đã **lìa hẳn các tật bệnh phiền não** (Vigata-kleśa-vyādhī). Hiện bày **suy yếu già nua** (Jīrṇa) nhưng ở trước nay **các căn chẳng hoại** (Anupahatendriya). Hiện bày có **chết** (Marāṇa) nhưng chưa từng có sinh diệt lùi mất

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tuy biết các Pháp **thường là Định Tướng** (Sāda-samāhita) nhưng bày cho chúng sinh các **Thiền sai biệt** (Dhyāna-viśeṣa). Hiện thân trụ Thiền cảm hóa kẻ **loạn tâm** (Vikṣipta-citta) nhưng đối với các Pháp chẳng thấy có loạn. Tất cả các Pháp như tướng Pháp Tính dùng **điều phục Tâm** (Citta-damana) nơi Thiền chẳng động. Hiện các uy nghi **đi**

(Caṅkrama) **đứng** (Tiṣṭhati) **ngồi** (Niṣidana) **nằm** (Śayyā) nhưng nhưng thường **lặng lẽ** (Śānta) tại nơi **Thiền Định** (Samāhita). Bày đồng với mọi người có chỗ **nói năng** (Pralāpa) nhưng thường chẳng bỏ các tướng Thiền Định. Thương xót chúng sinh vào ở **thành** (Nagara), **Áp** (Nigama), **thôn xóm** (Grāma), **quận** (Rājadhānī: thủ phủ, cung vua, cái thành của vua), **nước** (Rāstra) nhưng thường tại Định. Vì muốn nhiều ích các chúng sinh cho nên hiện có sự ăn uống nhưng thường tại Định. **Thân** (Kāya) ấy **bền chắc** (Dṛḍha) **giống như Kim Cương** (Vajrasama), bên trong thật chẳng hư chẳng thể phá hoại. Bên trong ấy không có **Sinh Tạng** (Āmāsaya: bao tử), **Thục Tạng** (Pakvāsaya: cái bụng, ruột già), **đại tiện** (Viṣ) **tiểu tiện** (Mūtra), **xú uế** (Durgandha) **chẳng sạch** (Asuci). Hiện có chỗ ăn nhưng không có chỗ vào, chỉ vì thương xót nhiều ích chúng sinh, ở tất cả **nơi chốn không có tai vạ lỗi lầm** (Sarvatrānavadya). Hiện hành tất cả **chỗ hành của phàm phu** (pṛthag-jana-caryā) nhưng thật không có hành, đã **vượt qua các hành** (Sarva-caryāḥ samatīkrāmīti)

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hiện ở tại chốn **Không Nhân** (Aranya), **thôn làng** (Grāma) không có khác. Hiện ở **tại nhà** (Gṛhastha: tại gia) nhưng không khác **xuất gia** (Pravrajita). Hiện làm **Bạch Y** (Avadātavasana) nhưng chẳng **phóng dật** (Pramāda). Hiện làm **Sa Môn** (Śramaṇa) nhưng chẳng **tự cao** (Manyanā: kiêu mạn). Ở trong Pháp **xuất gia của các Ngoại Đạo** (Pāṣaṇḍikeṣu-pravrajati), vì cảm hóa chúng sinh mà không có chỗ xuất gia, chẳng bị nhiễm dính tất cả **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), cũng chẳng ở trong, nói là **được thanh tịnh** (Prasāda). Hiện hành tất cả **Nghi Pháp** (Īryāpatha: uy nghi) của **Ngoại Đạo** (Pāṣaṇḍika: môn đồ của Tà Giáo, môn đồ của Dị Giáo) nhưng chẳng tùy thuận đường lối đã hành ấy

Này Kiên Ý! Ví như **Đạo Sư** (Pariṇāyaka) đưa mọi người băng qua lối đi nguy hiểm xong quay trở lại hóa độ người khác.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tùy theo chỗ phát ý Đạo của chúng sinh, hoặc Thanh Văn Đạo, hoặc Bích Chi Phật Đạo, hoặc phát Phật Đạo. Tùy nghi bày đường lối khiến được hóa độ xong, liền lại quay về hóa độ các chúng sinh khác. Chính vì thế cho nên **Đại Sĩ** (Satpuruṣa) có tên gọi là **Đạo Sư**.

Ví như **chiếc thuyền** (Nau) bền chắc từ **bờ bên này** (Apāra) **đưa vô lượng người** (Aparamāṇa-sattvāms tārayati) khiến đến **bờ bên kia** (Pāra). Đến bờ bên kia xong thì **quay trở lại** (Pratinivartate) đón đưa người khác. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thấy các chúng sinh rơi xuống nước **sinh tử** (Saṃsāra) bị **bốn giòng chảy** (Caturrogha) cuốn trôi, ví muốn **độ thoát** (Uttāraṇa: cứu độ) khiến được **ra khỏi** (Niḥsarāṇa) cho nên tùy theo **căn lành** (Kuśala-mūla) mà người ấy đã gieo trồng khiến cho **thành tựu** (Pakvatā: thành thực). Nếu thấy người có thể dùng **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha) hóa độ liền vì họ hiện thân bày **đạo Niết Bàn** (Nirvāṇa-mārga). Nếu thấy người có thể dùng **Thanh Văn** (Śāravaka) hóa độ thì vì họ nói **Tịch Diệt** (Śānti) cùng với việc **nhập vào Niết Bàn** (Parinirvāṇa). Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cho nên quay trở lại **hiện sinh** (Punarjanman) độ thoát người khác. Chính vì thế cho nên **Đại Sĩ** (Satpuruṣa) có tên gọi là **Thuyền Sư** (Nāvīkapati)

Này Kiên Ý! Ví như **Huyễn Sư** (Māyākāra) ở trước nhiều Chúng, tự hiện **thân chết** (Mṛta-śarīra) **trương sinh** (Vyādhmātaka) **xấu nát** (Vipūyaka), hoặc bị **lửa thiêu đốt** (Vidagdha), hoặc bị **chim thú ăn** (Vikhāditaka), ở trước mọi người hiện thân như vậy. Khi được tài vật xong liền trở lại như cũ, ấy là do huyền thuật đã khéo hay học ấy. Bồ Tát như vậy trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội vì cảm hóa chúng sinh mà thị hiện già chết nhưng thật không có **sinh** (Jāti) **già** (Jarā) **bệnh** (Vyādhi) **chết** (Marāṇa)

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, **tu hành Trí Tuệ** (Prajñāṃ bhāvayati), **các căn mạnh bén** (Tikṣṇendriya), chưa từng thấy có **Tính của chúng sinh** (Sattva-svabhāva), vì muốn cảm hóa cho nên nói chúng sinh. Chẳng thấy **người nhận** (Jīva: thọ giả), **người có số phận** (Pudgala: mệnh giả)...nói có người nhận, người có số phận. Chẳng được **Tính của Nghiệp** (Karma-svabhāva) với **Tính của Nghiệp Báo** (Vipāka-svabhāva) nhưng bày cho chúng sinh có Nghiệp, Nghiệp Báo. Chẳng được các **Tính phiền não** (Kleśa-svabhāva) của **sinh tử** (Saṃsāra) nhưng nói nên **thấy biết phiền não của sinh tử** (Saṃsāra-kleśa-parijñā). Chẳng thấy Niết Bàn nhưng nói đến Niết Bàn. Chẳng thấy các Pháp có **tướng có sai biệt** (Viśiṣṭa-lakṣaṇa) nhưng nói các Pháp có **Thiện** (Kusāla), **Bất Thiện** (Akusāla) để hay vượt qua đến bờ **Vô Ngại Trí** (Aparahata-jñāna). Hiện sinh ở **cõi Dục** (Kāma-dhātu: Dục Giới) nhưng **chẳng nhiễm dính** (Na sajjate: cột trời với) **cõi Dục**. Hiện hành **Thiền** (Dhyāna) của **cõi Sắc** (Rūpa-dhātu: Sắc Giới) nhưng chẳng nhiễm dính cõi Sắc. Hiện nhập vào **Định** (Samāpatti) của **Vô Sắc** (Arūpyadhātu: Vô Sắc Giới) nhưng sinh ở cõi Sắc. Hiện hành Thiền của cõi Sắc nhưng sinh ở cõi Dục. Hiện ở cõi Dục nhưng chẳng hành giới hạnh của Dục. Đều biết các **Thiền** (Dhyāna) với biết **Thiền Phần** (Dhyānāṅga), tự tại đều hay **nhập Thiền** (Dhyāna-praveśa), **xuất Thiền** (Dhyāna-vyutthana). Vì **cảm hóa chúng sinh** (Sattva-paripācārtham), tùy theo nơi sinh của Ý, **tất cả nơi sinh ra** (Sarveṣu jātisthāneṣu) đều hay **thọ nhận thân** (Ātmabhāvaṃ parigrhṇāti), thường hay **thành tựu Trí Tuệ thâm diệu** (Gambhīra-prajñā-samangata), **đoạn trừ các Hạnh của tất cả chúng sinh** (Samucchinna-sarvasattva). Vì cảm hóa chúng sinh nên hiện có **chỗ hành** (Sở Hành) nhưng đối với các Pháp, thật không có chỗ hành, đều đã **vượt qua tất cả các Hành** (Sarva-caryā samatikrānta), từ lâu đã diệt trừ Tâm của **Ngã** (Ātma: Ta), **cái của ta** (Ātmīya-graha: ngã chấp, ?Mama-kāra: Ngã sở) nhưng thị hiện **thọ nhận** (Grhṇāti) các vật cần dùng.

Bồ Tát thành tựu **Trí** (Jñāna) **Tuệ** (Prajñā) như vậy, có chỗ **cho, làm** (Karman: Thí tác) đều **tùy theo Trí Tuệ** (Jñāna-prajñānuparivartin) mà chưa từng **bị vương** (Kliṣṭa) sự ô nhiễm của **Nghiệp Quả** (Karma-phala). Vì cảm hóa chúng sinh, thị hiện **câm ngọng** (Mūka) nhưng bên trong thật có **Phạm Âm** (Brhmasvara-ruta-ravitā) vi diệu, thông đạt **ngữ ngôn** (Nirukti), Kinh Thư, **bờ kia** (Pāra)... chẳng cần suy nghĩ trước nên nói Pháp nào, tùy theo Chúng đã đến, **mọi điều nói ra đều màu nhiệm** (Subhāṣita), thấy hay khiến tâm **vui vẻ** (Mūḍita) được bền chắc. **Tùy theo chỗ tương ứng** (Yathāpratyarham) ấy mà nói Pháp mà **Trí Tuệ của Bồ Tát** đó chẳng **giảm bớt** (Apacaya).

Này Kiên Ý! Ví như **nam** (Nara) **nữ** (Narī), hoặc lớn hoặc nhỏ, tùy theo **vật khí** (Bhājana) đã cầm đi đến nơi có nước hoặc **suối** (Ubhida), hoặc **ao** (Taḍaga), **kênh ngòi** (Vilva: hồ chứa), **sông** (Nadī), **biển lớn** (Mahā-samudra)... tùy theo vật khí lớn nhỏ đều chứa đầy rồi quay về mà các nước ấy không có sự giảm bớt

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tùy theo Chúng đã đến, hoặc chúng **Sát Lợi** (kṣatriya), Chúng **Bà La Môn** (Brāhmaṇa), hoặc chúng **Cư Sĩ** (Gṛhapati), Chúng **Đế Thích** (Śakra), Chúng **Phạm Thiên** (Brahma)... đến các Chúng đó chẳng gia thêm **tâm lực** (Cittābhoga: công dụng của Tâm), hay dùng **lời khéo** (Subhāṣita) đều **khiến cho vui thích** (Saṃtoṣayati), **tùy nghi chỗ tương ứng** (Yathāpratyarham) để mà diễn Pháp mà **Trí** (Jñāna) **Biện** (Pratibhāna) ấy không có chỗ giảm bớt.

Này Kiên Ý! Đây gọi là Bồ Tát trụ Bản Sự Quả Báo **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā) của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chúng sinh nhìn thấy đều được **độ thoát** (Parimucyante). Có nghe **tên gọi** (Nāman), có thấy **uy nghi** (Īryāpatha), có nghe **nói Pháp** (Dharma-deśana), có thấy **yên lặng** (Tuṣṇīm-bhāva)... thì đều được cứu độ.

Này Kiên Ý! Ví như **Đại Dược Thụ Vương** (Mahā-bhaiṣajya-rāja: Đại Dược Vương) tên là **Hỷ Kiến** (Darśanīya) có người nhìn thấy đều được khỏi bệnh. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Chúng sinh nhìn thấy thời bệnh **Tham** (Rāga) **Sân** (Dveṣa) **Si** (Moha) đều được trừ khỏi.

Như Đại Dược Vương tên là **Diệt Trừ** (Vipravāsa: tương ly, chướng nạn). Nếu lúc **chiến đấu** (Saṃgrāma), đem xoa bôi **cái trống** (Duṇḍubhi hay Dundubhi) thời các kẻ bị **tên** (Śalya: mũi tên) bắn, đao, mâu, gậy thương tích... được nghe tiếng trống thì trừ được **chất độc** (Viṣa) phát ra từ mũi tên. Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Có người nghe tên thời mũi tên **Tham Sân Si** tự nhiên được bật ra, **các chất độc Tà Kiến** (Sarva-dṛṣṭi-gata-viṣa) thấy đều trừ diệt, tất cả phiền não chẳng thể động phát.

Này Kiên Ý! Ví như cây thuốc tên là **Cụ Túc** (Saṃpanna). Có người dùng **rễ** (Mūla) thì bệnh được trừ khỏi. **Cọng** (Gaṇḍa: thân cây), **lóng** (Saṃdhi), **lõi** (Sāra), **vỏ** (Tvaca), **cành** (Sākhā), **lá** (Pattrā), **hoa** (Puspa), **quả** (Phala) đều hay trừ khỏi bệnh. Hoặc **tươi** (Samucchrita: còn có sức), hoặc **khô** (Śukṣa), hoặc **chặt đứt từng đoạn** (Khaṇḍaśaś chinna) thấy hay trừ khỏi các bệnh của chúng sinh.

Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng lại như vậy. Đối với các chúng sinh không có lúc nào chẳng có ích, thường hay diệt trừ tất cả mọi **tai vạ** (Upadrava)... ấy là dùng nói Pháp kèm hành bốn **Nhiếp** (Saṃgraha-vastu), các **Ba La Mật** (Pāramitā) khiến được độ thoát. Hoặc người cúng dường, hoặc chẳng cúng dường, có ích, không có ích nhưng Bồ Tát đó đều dùng Pháp lợi khiến được **an ổn** (Kṣema), cho đến thân bị chết, có loài **ăn thịt** (Māmsāda). Hoặc các **súc sinh** (Tiryagyoni): **hai chân** (Dvipada), **bốn chân** (Catuspada) với các loài **chim** (Pakṣin), **thú** (Mṛga), **người** (Manuṣya) và **Phi Nhân** (Amanuṣya)... các chúng sinh đó đều do sức **Giới** (Śīla) **Nguyện** (Pūrva-praṇidhāna: Bản Nguyện) của Bồ Tát cho nên **khi chết được sinh về cõi Trời** (Paraṃ maraṇaa-deveṣūpatsyante), thường không có bệnh đau nhức, suy não, các tai vạ...

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội giống như **cây thuốc** (Bhaiṣajya-vṛkṣa)”.

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, đời đời tự biết sáu Ba La Mật chẳng học theo người khác; **nhấc bàn chân** (Carāṇotkṣepaṇe), **hạ bàn chân** (Carāṇanikṣepaṇe), **hít vào** (Āśvāse), **thở ra** (Praśvāse)... **niệm niệm** (Kṣane kṣane: mỗi mỗi lúc) thường có sáu Ba La Mật. Tại sao thế? Này Kiên Ý! Bồ Tát như vậy, **thân** (Kāya) đều là Pháp Hành, đều là Pháp...

Này Kiên Ý! Ví như có **vị vua** (Rājan), hoặc các **Đại Thân** (Amātya) đem trăm ngàn loại **hương** (Gandha) giã làm **bột** (Cūrṇa). Nếu có người đến, lục tìm một loại trong đó, chẳng muốn hương khác xen lẫn vào

Kiên Ý! Như vậy, trong bột của trăm ngàn chúng hương có thể tìm được một loại mà chẳng bị tạp khác vương vào không?”

“Bạch Đức Thế Tôn ! Chẳng thể được”

“Này Kiên Ý! Bồ Tát đó dùng tất cả Ba La Mật xông ướp **thân** (Kāya) **tâm** (Citta) cho nên ở trong niệm niệm thường sinh **sáu Ba La Mật** (Ṣaṭ-pāramitā)

Kiên Ý! Bồ Tát làm thế nào để ở trong niệm niệm sinh sáu Ba La Mật?

Này Kiên Ý! Bồ Tát đó, **tất cả thấy đều buông bỏ** (Pratyakṣa-sarvasva) Tâm không có **tham** (Lobha) **dính** (Abhiniveśa) là **Đàn Ba La Mật** (Bồ Thí Ba La Mật)

Tâm khéo **tịch diệt** (Prasānta), rốt ráo không có ác là **Thi Ba La Mật** (Śīla-pāramitā: Trì Giới Ba La Mật)

Biết tướng **tận cùng** (Akṣaya) của Tâm, ở trong các **Trần** (Viṣaya; cảnh giới) mà **không có chỗ gây hại** (Akṣata) là **Sạn Đề Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā: Nhẫn Nhục Ba La Mật)

Siêng **quán chọn Tâm** (Cittaṃ vibhāvayati pravacinoti), **biết Tâm lia Tướng** (Cittasya viveka-lakṣa, nam vijānāti) là **Tỳ Lê Gia Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā: Tinh Tiến Ba La Mật)

Rốt ráo khéo vắng lặng (Atyantopasānta) **điều phục Tâm** (Cittaṃ damayati) ấy là **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā: Thiền Định Ba La Mật)

Quán Tâm, biết Tâm, thông đạt Tướng của Tâm là **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā: Tuệ Ba La Mật)

Này Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Pháp Môn như vậy, niệm niệm đều có sáu Ba La Mật”.

Bấy giờ Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! **Thật chưa từng có** (Adbhuta)!

Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời **chỗ** (Vihāra) đã thi hành ấy, thật **chẳng thể nghĩ bàn** (Acintya)!

Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát **muốn hành Hạnh của Phật** (Buddha-vihāreṇa viharitukāma) thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Tại sao thế? Vì Bồ Tát đó hiện hành tất cả Hạnh của các Phạm Phu nhưng ở Tâm của vị ấy không có tham sân si”

Lúc đó trong Chúng, có vị Đại Phạm Vương tên là **Thành Từ** (Maitrī-saṃpanna) bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn hành tất cả Hạnh của các **Phàm Phu** (Bāla-prthag-jana) thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Tại sao thế? Vì Bồ Tát đó hiện hành tất cả Hạnh của các Phạm Phu nhưng ở Tâm của vị ấy không có Hạnh của tham sân si”

Đức Phật nói: “Lành thay! Lành thay Thành Từ! **Như ông đã nói** (Evam etad yathā vadasi). Nếu Bồ Tát muốn hành tất cả Hạnh của các phàm phu thì nên học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. **Chẳng nghĩ nhớ tất cả các điều đã học** (Sarva-śikṣāṇāṃ amānyanayā)”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bồ Tát muốn học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì nên học như thế nào?”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Ví như học **bắn** (Avedha: bắn cung). Trước tiên **bắn mục tiêu** (Lakṣya) lớn. Bắn mục tiêu lớn xong, học bắn mục tiêu nhỏ. Bắn mục tiêu nhỏ xong, tiếp học bắn cái đích. Học bắn cái đích xong, tiếp học bắn **cây gậy** (Daṇḍa). Học bắn cây gậy xong thì học bắn một trăm **sợi lông** (Roman). Bắn một trăm sợi lông xong, học bắn mười sợi lông. Bắn mười sợi lông xong, học bắn một sợi lông. Bắn một sợi lông xong, học bắn một phần trăm sợi lông. Hay bắn như thế xong thì gọi là **Thiện Xạ** (Niryāta-iṣvastrācārya), tùy ý chẳng không. Người đó nếu muốn ở trong **bóng** (Andhakāra: nơi tối đen) **đêm** (Rātri: ban đêm) nghe được âm thanh, hoặc Người, Phi Nhân... **chẳng dùng tâm lực** (Anābhogena) bắn đều trúng.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát muốn học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Trước tiên nên học **tâm yêu thích** (Āsaya). Học tâm yêu thích xong, nên học **tâm sâu kín** (?Prayoga: kết hợp, tương ứng). Học tâm sâu kín xong, nên học **Đại Từ** (Mahā-maitrī). Học Đại Từ xong, nên học **Đại Bi** (Mahā-Kāruṇa). Học Đại Bi xong, nên học **bốn Phạm Hạnh của Thánh** (Ārya-brahma-vihāra) là: **Từ** (Maitrī), **Bi** (Kāruṇa), **Hỷ** (Muditā), **Xả** (Upekṣā). Học bốn Phạm Hạnh của Thánh xong, nên học **Báo Đắc** (Vipākaja: báo sinh, quả báo sinh, dị thực sinh) **Ngũ Thông** (Pañcābhijñā) **tối thượng** thường tự tùy thân. Học **Thông** (Abhijñā) đó xong, khi ấy liền hay **thành tựu sáu Ba La Mật** (ṣaṭ-pāramitā paripūrayati). Thành tựu sáu Ba La Mật xong, liền hay thông đạt **phương tiện** (Upāya-kausālyā: phương tiện thiện xảo). Thông đạt phương tiện xong, được trụ **Nhu Thuận Nhẫn thứ ba** (Dvītiyānulomikī-kṣānti: Nhu Thuận Nhẫn thứ hai). Trụ Nhu Thuận Nhẫn thứ ba xong, **được** (Pratilabha) **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti). Được Vô Sinh Pháp Nhẫn xong thời **chư Phật thọ ký** (Vyākurvanti). Chư Phật **thọ ký** (Vyākaraṇa) xong, hay **nhập vào Đệ Bát Bồ Tát Địa** (Bodhisattānām aṣṭamakām bhūmiṃ praviśati). Vào Đệ Bát Bồ Tát Địa xong, được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội** (Pratyutpanna-buddha-sammukhāvasthita-samādhi). Được Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội xong, **thường chẳng lìa sự thấy chư Phật** (Satata-samitam tathāgata-darśanāvīrahito bhavati). Thường chẳng lìa sự thấy chư Phật xong, hay đầy đủ **tất cả Nhân Duyên của Phật Pháp**. Đầy đủ tất cả **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya) của **Phật Pháp** (Buddha-dharma) xong, hay khởi (Abhīrīhāraṇi: sinh ra) **Công Đức trang nghiêm cõi Phật**. Hay khởi Công Đức **trang nghiêm cõi Phật** (Buddha-kṣetra-vyūha-sampad: đầy đủ trang nghiêm cõi Phật) xong, hay **đủ Chủng Tính của nhà sinh ra** (Janma-kula-gotra-sampadaḥ paripūrayati). Hay **đủ** (Sampadā) **Chủng Tính** (kula-gotra) của nhà sinh ra xong thời **vào Thai** (Garbhāvākraṇṭi), **ra khỏi Thai** (Jāti) [?thiếu **Xuất Gia** (Abhiniskramana)]. Vào Thai, ra khỏi Thai [?thiếu **Xuất Gia** (Abhiniskramana)].xong, hay **đủ mười Địa** (Daśamāṃ bhūmiṃ paripūrayati). Hay đủ mười Địa xong, lúc đó liền được **thọ nhận Chức Hiệu** (Abhiṣeka: quán đỉnh nhận chức vị) **của Phật**. Thọ Chức Hiệu của Phật xong, liền được **tất cả Tam Muội của Bồ Tát** (Sarva-bodhisattva-samādhi). Được tất cả Tam Muội của Bồ Tát xong, **sau đó** (Pāścāt: cuối cùng, sau cùng) liền được **Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội** (Śūramgama-samādhi). Được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội xong, hay vì chúng sinh thi hành **việc Phật** (Buddha-kārya) nhưng cũng chẳng buông bỏ Pháp của **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisattva-caryā)

Này Kiên Ý! Nếu Bồ Tát học các Pháp như vậy, tức được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Bồ Tát đã được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, tức đối với các Pháp không có chỗ học lại. Tại sao thế? Vì trước kia đã khéo học tất cả Pháp cho nên ví như học bần một phận của sợi lông thì chẳng học lại điều khác. Tại sao thế? Vì trước kia đã học rồi.

Như vậy Kiên Ý! Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, đối với tất cả Pháp không có chỗ học lại vì tất cả **Tam Muội** (Samādhi), tất cả **Công Đức** (Punya) đều đã học xong”.

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con muốn nói **thí dụ** (Upamā). Nguyên xin Đức Thế Tôn nghe hứa”

Đức Phật nói: “Ông hãy nói đi”

“Thế Tôn! Ví như **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới** (Trisāhasra-mahāsāhasra-lokadhātu) **Đại Phạm Thiên Vương** (Devarāja-mahā-brahmā) tự nhiên có thể **quán** (Vilokayati) khắp cả ba ngàn Đại Thiên Thế Giới mà chẳng cần gia thêm công sức.

Như vậy Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đối với tất cả Pháp tự nhiên có thể quán khắp mà chẳng cần dùng công sức. Lại cũng có thể biết mỗi một chỗ hành của Tâm chúng sinh”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Nhu ông đã nói. Nếu Bồ Tát trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội ắt biết tất cả Pháp của các Bồ Tát, tất cả Pháp của Phật”

Bây giờ trong Hội có **Thiên Đế Thích** (Śakra-devendra) tên là **Trì Tu Di Đỉnh** (Meru-sikhara-dhara) ở **cùng tận mé ngoài** (Prānta-dvīpa: lục địa thổ ở mé bên ngoài) của **ba ngàn Đại Thiên Thế Giới** (Trisāhasra-mahāsāhasra-lokadhātu) này, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ví như trụ ở **đỉnh núi Tu Di** (Mesu-sikhara) ắt hay nhìn thấy tất cả thiên hạ. Bồ Tát như vậy trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đối với các **Hạnh** (Caryā) của Thanh Văn, Bích Chi Phật với tất cả Hạnh của chúng sinh tự nhiên có thể quán thấy”

Lúc đó Kiên Ý Bồ Tát hỏi vị **Trì Tu Di Đỉnh Thích** (Meru-sikhara-dhara śakra) đó rằng: “Ông từ chỗ nào của **bốn Thiên Hạ** (Catur-dvīpaka) đi đến? Trụ tại đỉnh núi Tu Di nào?”

Trì Tu Di Đỉnh Thích đó bảo rằng: “Này Thiện Nam Tử! Nếu có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời chẳng nên hỏi nơi **trú xứ** (Sthāna) của vị ấy. Tại sao thế? Như Bồ Tát này thời tất cả cõi Phật đều là trú xứ mà **chẳng dính ở trú xứ** (Sthānam nābhini-viśati), **chẳng được trú xứ** (Sthānam nopalabhate), **chẳng thấy trú xứ** (Sthānam na paśyati)”

Kiên Ý hỏi rằng: “**Nhân Giả** (Sakhi: bằng hữu, bạn lữ) được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó chưa?”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói: “Trong Tam Muội đó, lại còn có tướng **được, chẳng được** ư!”

Kiên Ý nói: “Chẳng thể có”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói: “Này Thiện Nam Tử! Nên biết Bồ Tát hành Tam Muội đó, đối với các Pháp đều không có chỗ đắc”

Kiên Ý nói: “Nhu ông đã **biện luận** (Pratibhānavat), ắt đã được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Trì Tu Di Đỉnh Thích nói: “Này Thiện Nam Tử! Tôi chẳng thấy Pháp có chỗ trụ. Đối với tất cả Pháp không có chỗ trụ liền được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Thiện Nam Tử! Trụ Tam Muội đó tức đối với các Pháp không có chỗ trụ. Nếu không có chỗ trụ tức không có chỗ nhận lấy. Nếu không có chỗ nhận lấy tức không có chỗ nói”

Bây giờ Đức Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát: “Ông thấy vị **Trì Tu Di Sơn Thích** đó chưa?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Đã thấy”

“Này Kiên Ý! Vị **Trì Tu Di Đỉnh Thích** đó **tùy theo ý** (Yathākāma), hay được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Trụ Tam Muội đó ở các **cung của Đế Thích** (Śakra-bhavana) trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này đều hay **hiện thân** (Ātmanām saṃdarśayati) ”

Lúc đó **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra devendra) của cõi này bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu vị **Trì Tu Di Sơn Thích** hay hiện thân ở các cung của Đế Thích. Con ở tất cả **nơi chốn của Đế Thích** (Śakra-sthāna), tại sao chẳng nhìn thấy?!...”

Khi ấy Trì Tu Di Sơn Thích nói với vị Đế Thích này rằng: “Này **Kiều Thi Ca** (Kausika)! Nếu nay Tôi dùng **Thân thật** (Bhūta-kāya) bày cho ông thấy thời ông ở cung điện chẳng được **mừng vui** (Muditā). Tôi thường đến cung điện mà ông đã trụ mà ông chẳng thấy tôi”

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con muốn thấy **Thân thành tựu màu nhiệm** (Pariniṣpanna-kāya: Thành Tựu Diệu Thân) của **Đại Sĩ** (Satpuruṣa) này”

Đức Phật nói: “Này Kiều Thi Ca! Ông muốn thấy ư?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Con vui nguyện muốn thấy”

Đức Phật bảo Trì Tu Di Sơn Thích rằng: “Này Thiện Nam Tử! Ông hãy hiện bày Thân chân thật màu nhiệm này”

Trì Tu Di Sơn Thích ấy liền hiện thân chân thật màu nhiệm

Khi đó trong Hội: các Thích, Vương, Hộ Thế Thiên Vương, Thanh Văn, Bồ Tát chưa được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thời thân đều chẳng hiện, **giống như** (Sadrśa) **đồng mực** (Maṣi-rāsi). Thân của Trì Tu Di Sơn Thích như núi vua Tu Di **cao lớn** (Abhyudgata) hùng vĩ tỏa ánh sáng chiếu xa. Lúc đó thân của Đức Phật càng hiện sáng thêm gấp bội.

Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thật chưa từng có! Bạch Đức Thế Tôn! Nay thân của Đại Sĩ này thanh tịnh thù diệu khó theo kịp! Các thân của Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đó đều chẳng hiện giống như đồng mực.

Thế Tôn! Con ở tại cung điện **Thiện Diệu** trên núi Tu Di, đeo **Thích Ca Tỳ Lăng Già** (Śakrābhilagna), Ma Ni Anh Lạc. Do ánh sáng đó nên tất cả thân của Thiên Chúng đều chẳng thể hiện. Nay thân của con do ánh sáng của của Đại Sĩ này lại chẳng thể hiện... mọi báu, Anh Lạc đã đeo cũng không có màu sắc, ánh sáng”

Đức Phật bảo Thích Đề Hoàn Nhân: “Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này **tràn đầy** (Paripūrṇa) Thích Ca Tỳ Lăng Già, ngọc Ma Ni... Lại có ngọc Ma Ni của chư Thiên chiếu sáng, hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.

Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này tràn đầy ngọc Ma Ni của chư Thiên chiếu sáng ...Lại có **Kim Cương Minh Ma Ni Châu** hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.

Này Kiều Thi Ca! Nếu trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này tràn đầy **Kim Cương Minh Ma Ni Châu** ...Lại có **Chư Minh Tập Ma Ni Châu** hay khiến cho viên ngọc này đều chẳng thể hiện.

Này Kiều Thi Ca! Ông có thấy **Chư Minh Tập Ma Ni Châu** mà vị Trì Tu Di Sơn Thích đã đeo không?”

“Bạch Đức Thế Tôn! Con đã nhìn thấy. Chỉ vì ánh sáng của viên ngọc này quá sáng chói nên mắt của con chẳng thể chịu nổi”

Đức Phật bảo Kiều Thi Ca: “Nếu có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hoặc làm Đế Thích đều đeo Anh Lạc Ma Ni như vậy”

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chư Hữu chẳng phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề chẳng được thân màu nhiệm thanh tịnh như vậy, cũng lại **bị mất** (Prahīṇa) Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó”

Lúc đó **Cồ Vực Thiên Tử** (Gopaka-devaputra) nói với Thích Đề Hoàn Nhân rằng: “Các người Thanh Văn **đã nhập vào** (Avakrānta-niyāma: quyết định nhập vào) **Pháp Vị** (tên gọi khác của Chân Như) cho dù có khen ngợi, yêu thích **Phật Đạo** (Buddhatva) nhưng không thể làm, do ở sinh tử tạo sự **che lấp, ngăn cách** (Āvaraṇa). Nếu người đã phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, nay phát, sẽ phát... thì người đó liền ứng với sự yêu thích Phật Đạo, hay được **sắc thân** (Rūpa-kāya) thượng diệu như vậy. Ví như có người **sinh ra đã bị mù** (Jātyandha), cho dù **khen ngợi, yêu thích** (Anubhāvitum: biểu thị cảm tình) **mặt trời** (Sūrya) **mặt trăng** (Candra) nhưng kẻ ấy vẫn chẳng biết gì về ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Như vậy Thanh Văn nhập vào Pháp Vị, cho dù có khen ngợi, yêu thích Phật Pháp nhưng **Công Đức của Phật** (Buddha-guṇa) đối với thân vẫn không có ích gì. Chính vì thế cho nên người muốn được thân màu nhiệm, **Đại Trí Tuệ** (Mahā-prajñā) này thì nên phát **Tâm Vô Thượng Phật Bồ Đề** (Anuttara-samyaksambodhi-citta) được sắc thân thượng diệu như vậy”

Lúc Cồ Vực Thiên Tử nói lời đó thời một vạn hai ngàn Thiên Tử phát **Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttara-samyaksambodhi-citta)

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát hỏi Cồ Vực Thiên Tử rằng: “Hành **Công Đức** nào (Kena kuśala-mūlena: Căn lành nào) để **chuyển thân người nữ** (Strīkāyaṃ parāvartisthāḥ)?”

Đáp rằng: “Này **Thiện Nam Tử** (Kulaputra)! Người phát Đại Thừa chẳng thấy **Nam** (Puruṣa) **Nữ** (Strī) có **sự khác biệt** (Viśeṣa). Tại sao thế? Vì Tâm Tát Bà Nhã (Sarvajña-citta: Tâm **Nhất Thiết Trí**) chẳng ở tại **ba cõi** (Traidhātuka). Do có **phân biệt** (Vikalpa-prabhāvita: phân biệt hiển bày) nam nữ cho nên có nam có nữ.

Nhân Giả đã hỏi: “*Hành Công Đức nào để chuyển thân người nữ?*”. Việc xưa kia (Pūrva-kāle), Tâm của Bồ Tát **không có sự nịnh nọt quanh co** (Acapala)”

“Làm sao mà phụng sự?”

Đáp rằng: “Như phụng sự Đức Thế Tôn”

“Làm thế nào mà Tâm ấy chẳng có sự nịnh nọt, quanh co?”

Đáp rằng: “**Nghiệp của thân** (Kāya-karman) tùy theo **miệng** (Vāk: lời nói), **ngiệp của miệng** (Vāk-karman) tùy theo **Ý** (Manas). Đây gọi là Tâm của người nữ không có sự nịnh nọt, quanh co”

Hỏi rằng: “Làm sao chuyển thân người nữ?”

Đáp rằng: “**Như Thành** (Yathā-sādhanam)?”

Hỏi rằng: “Làm sao Như Thành?”

Đáp rằng: “**Như Chuyển** (Yathā-parāvṛtṭim)”

Hỏi rằng: “Này Thiên Tử! Lời nói này có nghĩa gì?”

Đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Trong tất cả các Pháp chẳng **thành** (Sādhanā) chẳng **chuyển** (Parāvṛtti). Các Pháp có **một vị** (Eka-rasa) ấy là **vị của Pháp Tính** (Dharmadhātu-rasa: vị của Pháp Giới)

Thiện Nam Tử! Ta **tùy theo ước nguyện** (Yathā-praṇidhānam) có **thân người nữ** (Strī-kāśya). Nếu khiến thân của ta được thành **nam tử** (Puruṣa) thì đối với **tướng** (Nimitta) của thân nữ vẫn chẳng hoại chẳng buông bỏ

Này Thiện Nam Tử! Chính vì thế nên biết Nam đó, Nữ đó đều là **điên đảo** (Viparyāsa). Tất cả các Pháp cùng với điên đảo thầy đều **trọn hết lia ở hai Tướng** (Atyantaṃ dvaya-vipramukta)”

Kiên Ý Bồ Tát hỏi Cồ Vực rằng: “Ông đối với Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có biết **chút phần** (Kaṃcid eva pradeśam) nào chăng?”

Đáp rằng: “Thiện Nam Tử! Tôi biết người khác đã được, còn tự thân thì chưa **chứng** (Sākṣāt-kṛta)

Tôi nhớ **lúc trước** (Atīte-adhvani), khi Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi-buddha) ở tại nhà của vua **Tịnh Phạn** (Śuddhodana) làm Bồ Tát, thời ở trong **Chung Thê Nữ bên trong cung điện** (Antahpura), **nửa đêm thanh tịnh** (Prasānta-rātri). Khi ấy **hằng hà sa đấng** (Gaṅgā-nadī-vālukopama) các **Phạm Vương** (Brahma-rāja) từ **phương Đông** (Pūrvā diś) đi đến, có người hỏi về **Bồ Tát Thừa** (Bodhisattva-yāna), có người hỏi về **Thanh Văn Đạo** (Śrāvaka-mārga)... Bồ Tát tùy theo chỗ hỏi mà đáp. Ở trong Phạm Chúng có một vị Phạm Vương chẳng hiểu **phương tiện** (Upāya) mà Bồ Tát đã hành nên nói lời này: “*Nhân Giả đã có Trí Tuệ như vậy, khéo đáp việc đã hỏi. Tại sao còn tham ái vương vị* (Rājya), *sắc dục* (Kāma-bhoga: dục lạc, ái lạc)?”

Các vị Phạm Vương khác biết rõ Trí Tuệ Phương Tiện của Bồ Tát nên nói với vị Phạm Vương kia rằng: “*Bồ Tát chẳng tham vương vị sắc dục. Sắp tới vì giáo hóa thành tựu chúng sinh nên ở tại nhà* (Gṛha-stha: tại gia) *hiện làm Bồ Tát rồi ngày nay ở phương khác thành tựu Phật Đạo* (Abhisambuddha: thành Phật, hiện Chính Đẳng Giác), *chuyển bánh xe Diệu Pháp* (Dharmacakṛam pravarttayati: chuyển bánh xe Pháp)”

Vị Phạm Vương kia nghe xong, liền nói là: “*Được Tam Muội nào mà có thể làm Thần Biến tự tại* (Vikurvaṇa) *như vậy ?*”

Vị Phạm Vương khác nói rằng: “*Đây là thế lực* (Sthāma) *của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Này Thiện Nam Tử! Vào lúc đó, tôi tác niệm là: “Bồ Tát trụ Tam Muội, Thần Lực* (Rddhi-bala) *cảm ứng thật chưa từng thấy* (Adbhuta)! *Ở tại ái dục* (Kāma), *trông coi việc nước mà có thể chẳng lia Tam Muội như vậy*”

Tôi nghe điều này xong thì tăng cung kính bội phần nơi Bồ Tát đã sinh, tướng Đức Thế Tôn, thâm sâu phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nguyện ở đời sau cũng sẽ thành tựu **Công Đức** (Guṇa) như vậy

Này Thiện Nam Tử! **Chỗ thấy** (Adhyāsa-nirdeśa: Ý phân biệt diễn nói) của tôi chỉ có chút phần như vậy. Tôi chỉ biết Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội này sẽ có **vô lượng** (Apramāṇa) **thế lực** (Sthāma) **Công Đức** (Guṇa) **chẳng thể nghĩ bàn** (Acintya)”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “**Thật hiếm có** (Āścarya: hiếm có, kỳ diệu)! Bạch Đức Thế Tôn! Cồ Vực Thiên Tử đó dùng tâm sâu xa nói điều này đều là Đức Như Lai đã làm nơi thường **thủ hộ** (Parigṛhīta: hộ trì) của bậc **Thiện Tri Thức** (Kalyāṇa-mitra)

Thế Tôn! Cồ Vực Thiên Tử chẳng lâu cũng sẽ trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, được **thế lực Thần Biến tự tại** (Vikurvaṇa-bala) đó như ngày nay Đức Thế Tôn đã làm, không có khác”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay trong Hội này còn có người nào được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó không?”

Bấy giờ trong Hội có vị **Thiên Tử** (Devaputra) tên là **Hiện Ý** (Matyabhimukha) bảo Kiên Ý Bồ Tát rằng: “Vị như **khách đi buôn** (Sārthika) vào trong biển lớn mà nói lời này: “*Trong biển lớn này có ngọc Ma Ni* (Maṇi-ratna), *có thể cầm vớt đi không?*”. Lời nói của ông tựa như điều đó. Tại sao thế? Vì ở **Đại Trí Hải** (Mahā-jñāna-samudra) Hội của Đức Như Lai, trong đó: Bồ Tát **thành tựu Pháp Bảo** (Dharma-ratna samanvāgata), phát đại trang nghiêm. Ông ngồi bên trong mà lại hỏi rằng: “*Ở trong Hội này còn có Bồ Tát nào được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó không?*”

Này Kiên Ý! Nay trong Hội này có Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội hiện thân Đệ Thích, có vị hiện thân Phạm Vương. Có vị hiện thân của các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già. Có vị được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội hiện thân: **Tỳ Kheo** (Bhikṣu), **Tỳ Kheo Ni** (Bhikṣuṇī), **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka), **Ưu Bà Di** (Upāsikā). Có vị được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội dùng các **tướng tốt** (Lakṣaṇānuvyañjana) để tự **nghiêm** (Samalamkṛta: trang nghiêm) thân. Tự có Bồ Tát vì **cảm hóa chúng sinh** (Sattva paripācanārtham) hiện làm **hình** (Samsthāna: hình dạng) **sắc** (Varna: màu sắc) **tướng mạo** (Nimitta) của thân nữ. Có vị hiện hình sắc tướng mạo của Thanh Văn. Có vị hiện hình sắc tướng mạo của Bích Chi Phật.

Này Kiên Ý! Đức Như Lai tùy theo Chúng đã đến, hoặc chúng Sát Lợi, chúng Bà La Môn, hoặc chúng cư sĩ, chúng Đệ Thích, chúng Phạm Thiên, các chúng Hộ Thế... tùy theo các chúng đó khắp hay thị hiện hình sắc tướng mạo. Nên biết đều là Bản Sự Quả Báo của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Nếu thấy nơi mà Đức Như Lai đã nói Pháp. Nên biết trong chỗ này tức có vô lượng các Đại Bồ Tát có Đại Trí Tự Tại, phát đại trang nghiêm, **tự tại hành nơi tất cả Pháp** (Sarva-dharmeṣu vāsita-prāpta), hay tùy theo Đức Như Lai chuyển bánh xe Pháp”.

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Nay con nói vị **Hiện Ý Thiên Tử** đó được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội như vị ấy có Trí Tuệ, biện tài không ngại, Thần Thông như vậy”

Đức Phật bảo Kiên Ý: “Như ông đã nói. Hiện Ý Thiên Tử đó đã trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Thông đạt Tam Muội đó cho nên hay nói lời đó”

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiện Ý Thiên Tử: “Ông có thể thị hiện chút phần Bản Sự của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Hiện Ý Thiên Tử nói với Kiên Ý Bồ Tát rằng: “Nhân giả muốn thấy chút thể thực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội không?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Tôi vui nguyện muốn thấy”

Do Hiện Ý Thiên Tử khéo được sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cho nên liền hiện biến khiến **chúng hội** (Sarvāvatī parśad) đều là Chuyển Luân Thánh Vương có **32 tướng tự trang nghiêm** (Dvātriṃśallakṣaṇa-samalamkṛta) với các quyền thuộc, **bảy báu** (Sapta-ratna) **theo hầu** (Sānucāra).

Thiên Tử hỏi rằng: “Ông thấy thế nào?”

Kiên Ý đáp rằng: “Tôi thấy chúng hội đều là sắc tướng của Chuyển Luân Thân Vương có quyền thuộc, bảy báu theo hầu”

Khi ấy Thiên Tử lại hiện chúng hội đều là Thích Đề Hoàn Nhân ở **cung** (Vimāna) **Đao Lợi** (Trāyastimśa) có trăm ngàn **Thiên Nữ** (Deva-kanyā) tấu mọi **kỹ nhạc** (Tūrya) vây quanh vui đùa. Lại dùng Thần Lực khiến khắp chúng hội đều là Phạm Vương với sắc tướng uy nghi ở tại cung Phạm, hành **bốn Vô Lượng** (Caturapramāṇa)

Lại hỏi Kiên Ý: “Ông thấy thế nào?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Tôi thấy chúng hội đều là Phạm Vương”

Lại hiện Thần Lực khiến khắp chúng hội đều là Trưởng Lão **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) với **hình** (Samsthāna) **sắc** (varṇa) **tướng mạo** (Prakāra), **cầm giữ y bát** (Cīvara-pātra-dhara), nhập vào các **Thiền** (Dhyāna) **Định** (Samāpatti), hành tám **Giải Thoát** (Vimokṣa) không có khác .

Lại hiện Thần Lực khiến khắp chúng hội đều như Đức Thích Ca Mâu Ni Phật với thân tướng tốt uy nghi, đều có quyền thuộc **Tỳ Kheo vây quanh** (Bhikṣu-saṃgha-parivṛta).

Lại hỏi Kiên Ý: “Ông thấy thế nào?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Tôi thấy Đại Chúng đều là Thích Ca Mâu Ni Phật với thân tướng tốt uy nghi, đều có quyền thuộc Tỳ Kheo vây quanh”

Hiên Ý Thiên Tử nói với Kiên Ý rằng: “Đây là thế lực tự tại như vậy của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, có thể đem ba ngàn Đại Thiên Thế Giới vào trong một **hạt cải** (Sarṣapa), khiến cho các **núi** (Parvata), **sông** (Nadī), **mặt trời** (Sūrya), **mặt trăng** (Candra), **tinh tú** (Tāraka) đều hiện như cũ mà chẳng chèn ép để bày chúng sinh đó.

Này Kiên Ý! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có **thế lực chẳng thể nghĩ bàn** (Acintya-āṛṣabha) như vậy”

Bấy giờ các Đại Đệ Tử với các Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, Thích, Phạm, Hộ Thế Thiên Vương đồng thanh bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu người được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thì người ấy có **Công Đức chẳng thể nghĩ bàn** (Acintya-guṇa). Tại sao thế? Vì người đó tức là Phật Đạo cứu cánh, thành tựu **Trí Tuệ** (Jñāna: Trí), **Thần Thông** (Abhijñā), các **Minh** (Vidya). Ngày nay chúng con ở trên một Tòa thấy khắp mỗi loại **sắc tướng** (Rūpa) của chúng Hội, hoặc ngàn ấy cái hiện ra. Chúng con chỉ nhớ nếu người chẳng nghe Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, nên biết đó là Ma được dịp thuận tiện gây hại. Nếu người được nghe, nên biết người đó được sự hộ giúp của chư Phật. Huống chi là Hành Giả nghe xong, lại tùy nói.

Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn thông đạt Phật Pháp, đến ở bờ bên kia, thì nên **một lòng** (Eka-citta) **lắng nghe** (Śravaṇa) Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, **thọ trì** (Udgrahaṇa) **đọc tụng** (Vācana), **vì người khác nói** (Parebhya uddeśanā)

Thế Tôn! Nếu Bồ Tát muốn hiện khắp tất cả hình sắc uy nghi, muốn đều biết khắp tất cả **tâm** (Citta), **chỗ hành của tâm** (Caitta-pravṛtti) ... của chúng sinh. Lại muốn biết khắp tất cả chúng sinh, tùy theo bệnh cho thuốc... thì nên khéo lắng nghe **Pháp Bảo** (Dharma-ratna) của Tam Muội đó rồi thọ trì đọc tụng.

Thế Tôn! Nếu người được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó. Nên biết người ấy nhập vào **Cảnh Giới** (Viśaya) **Trí Tuệ Tự Tại** (Jñāna-vaśitā) của Phật”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Như các ông nói. Nếu người chẳng được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội thì chẳng được gọi là **Thâm Hành Bồ Tát** *Dambhīra-crayā bodhisattva). Như Lai chẳng nói người này đầy đủ **Bố Thí** (Dāna), **Trì Giới** (Śīla), **Nhẫn Nhục** (Kṣānti), **Tinh Tiến** (Vīrya), **Thiền Định** (Dhyāna), **Trí Tuệ** (Prajñā). Chính vì thế cho nên các ông nếu muốn hành khắp tất cả **Đạo** (Niryāna-mārga: con đường siêu xuất, con đường xuất ly) thì nên học được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, chẳng nhớ tất cả **các điều đã học** (Śikṣā)”

Khi ấy Kiên Ý Bồ Tát hỏi Hiền Ý Thiên Tử rằng: “Nếu Bồ Tát muốn được Tam Muội đó thì nên tu hành Pháp nào?”

Thiên Tử đáp rằng: “Nếu Bồ Tát muốn được Tam Muội đó thì nên tu hành **Pháp của Phạm Phu** (Pṛthag-jana-dharma). Nếu thấy Pháp của Phạm Phu, Pháp của Phật chẳng **hợp** (Yukta) chẳng **tan** (Viyukta) thì đây gọi là tu tập Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội”

Kiên Ý hỏi rằng: “Ồ trong Pháp của Phật có **hợp** (Yoga) **tan** (Viyoga) ư?”

Thiên Tử đáp rằng: “Trong Pháp của Phạm Phu còn không có hợp tan huống chi là Pháp của Phật. Thế nào gọi là tu hành? Nếu hay thông đạt các Pháp của Phạm Phu, Pháp của Phật **không có hai** (Advaya) thì đây gọi là tu tập nhưng thật ra Pháp này không có hợp, không có tan.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả Pháp Tập (góp lại) không có **tướng sinh** (Anutpāda-lakṣaṇa). Tất cả Pháp Tập không có **tướng hoại** (Nirodha-lakṣaṇa: tướng diệt). Tất cả Pháp Tập **như tướng hư không** (Ākāśa-sama-lakṣaṇa). Tất cả Pháp Tập không có **tướng thọ nhận** (Sam-āgama-lakṣaṇa: tướng kết hợp, tướng hòa hợp)”

Kiên Ý lại hỏi: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội **đi đến chốn nào** (Kva gacchati)?”

Thiên Tử đáp rằng: “Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đi đến tất cả **Tâm** (Citta) **Hành** (Carita) của chúng sinh nhưng cũng **chẳng duyên** (Nālambhate) theo tướng nhận lấy của Tâm Hành. Đi đến tất cả **nơi đã sinh** (Jātisthāna) nhưng cũng chẳng bị **sự ô nhiễm** (Kliṣṭa) của nơi sinh. Đi đến tất cả Thế Giới, cõi Phật nhưng chẳng phân biệt thân tướng tốt. Đi đến tất cả **âm thanh** (Svara) **ngữ ngôn** (Nirukti) nhưng chẳng phân biệt các tướng của **văn tự** (Akṣara). Khắp hay **mở bày** (saṃdarśayati) tất cả Phật Pháp nhưng chẳng đến chốn rốt ráo cùng tận (tất cánh tận xứ)

Thiện Nam Tử hỏi Tam Muội đó đến chốn nào? Tùy theo chỗ Đức Phật đã đến thì Tam Muội đó cũng đến như vậy”

Kiên Ý hỏi rằng: “Đức Phật **đến chốn nào** (Kva gacchati) ?”

Thiên Tử đáp rằng: “Đức Phật **Như Như** (Tathatā) cho nên đến nơi không có chỗ đến”

Lại hỏi: “Đức Phật chẳng đến Niết Bàn ư?”

Đáp rằng: “Tất cả các Pháp **rốt ráo** (Atyanta) là **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Chính vì thế cho nên Như Lai chẳng đến Niết Bàn. Tại sao thế? Vì Tính Niết Bàn cho nên chẳng đến Niết Bàn”

Lại hỏi: “Hằng hà sa đấng chư Phật quá khứ chẳng đến Niết Bàn ư?”

Đáp rằng: “Hằng sa chư Phật vì điều đó sinh ư?”

Kiên Ý đáp rằng: “Đức Như Lai đã nói: *Hằng sa chư Phật đã diệt độ*”

Thiên Tử nói: “Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai há chẳng nói: *Một người ra đời đem lại nhiều sự nhiều ích an vui cho chúng sinh. Ý của ông thế nào* (Tat kim manyase)? Đức Như Lai vì định được các chúng sinh có **sinh** (Utpāda) **diệt** (Nirodha) ư?”

Đáp rằng: “Thiên Tử! Đức Như Lai đối với Pháp chẳng được sinh diệt”

—“Thiện Nam Tử nên biết tuy Đức Như Lai nói chư Phật xuất hiện ở Thế Gian nhưng đối với tướng của Như Lai thì thật **không có sinh** (Anutpāda). Tuy nói chư Phật đến nơi Niết Bàn nhưng đối với tướng của Như Lai thì thật **không có diệt** (Anirodha)”.

Lại hỏi: “Hiện nay vô lượng Như Lai được **thành Đạo** (Abhisambodhi) không?”

Đáp rằng: “Tướng không sinh không diệt của Như Lai, như thế là thành Đạo. Này Thiện Nam Tử! Hoặc chư Phật hiện ra, hoặc vào Niết Bàn đều không có **sai biệt** (Viśeṣa). Tại sao thế? Vì Như Lai thông đạt tất cả các Pháp là tướng Tịch Diệt. Đây gọi là Phật”

Lại hỏi: “Nếu tất cả Pháp **rốt ráo tịch diệt** (Ayanta-parinirvṛti) thì tướng của Niết Bàn có thể thông đạt chăng?”

Đáp rằng: “Như tất cả Pháp rốt ráo tịch diệt đồng với tướng của Niết Bàn. Tướng thông đạt cũng lại như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như Lai chẳng do **Sinh** (Jāti) **Trụ** (Sthiti) **Dị** (Anyathātva) **Diệt** (Anityatā) mà ra. Không có Sinh Trụ Dị Diệt, đây gọi là **Phật xuất hiện** (Buddhotpāda)”

Kiên Ý hỏi rằng: “Ông trụ Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hay tác nói như vậy sao?”

Đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Ý của ông thế nào? **Hóa Nhân** (Nirmita: người do sự biến hóa) của Như Lai trụ trong Pháp nào để có chỗ nói?”

Kiên Ý đáp rằng: “Nương vào **Thần Lực** (Adhiṣṭhāna) của Đức Phật, hay có chỗ nói”

Lại hỏi: “Đức Phật trụ nơi nào để tác Hóa Nhân?”

Đáp rằng: “Đức Phật trụ vào **Thần Thông không hai** (Advayābhijñā) để tác Hóa Nhân”

Thiên Tử nói: “Như Đức Như Lai trụ vào Pháp **chẳng trụ** (Apratiṣṭhāna) để tác Hóa Nhân. Các Hóa Nhân cũng trụ vào **Pháp chẳng trụ** mà có chỗ nói”

Kiên Ý nói: “Nếu không có chỗ trụ thì làm sao có nói?”

Thiên Tử nói: “Như không có chỗ trụ nói cũng như vậy”

Lại hỏi: “Bồ Tát làm sao có **đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài** (Pratibhāna-sampanna)?”

Đáp rằng: “Bồ Tát chẳng dùng **tướng của Ta** (Ātma-samjñā), chẳng dùng **tướng của cái kia** (Para-samjñā), chẳng dùng tướng của Pháp nên có chỗ nói. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài. Tùy theo chỗ nói Pháp mà tướng của **văn tự** (Aksara) **chẳng tận** (Akṣaya), tướng của Pháp cũng chẳng tận. Như vậy người nói chẳng dùng hai Thuyết. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài.

Lại nữa, Thiện Nam Tử! Nếu Bồ Tát chẳng buông bỏ **tướng Huyền** (Māyā-lakṣaṇa) của các Pháp, đối với **âm thanh** (Svara) chẳng buông bỏ **tướng vang dội lại** (Pratīśrutkā-lakṣaṇa). Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tài.

Lại như các văn tự, âm thanh, ngữ ngôn: không có nơi chốn, không có phương hướng, không có bên trong, không có bên ngoài, không có chỗ trụ, theo mọi Duyên có. Tất cả các Pháp cũng lại như vậy: không có nơi chốn, không có phương hướng, không có bên trong, không có bên ngoài cũng không có chỗ trụ. Chẳng phải là **quá khứ** (Atīta), **hiện tại** (Pratyutpanna), **vị lai** (Anāgata). Chẳng là nơi biểu thị của văn tự ngôn từ. Bên trong tự thông đạt mà có chỗ nói. Đây gọi là đầy đủ Nhạo Thuyết Biện Tại.

Ví như **tiếng vang dội lại** (Pratīśrutkā), tất cả âm thanh đều tùy theo tướng vang dội lại mà có chỗ nói”

Kiên Ý hỏi rằng: “Thế nào là *Tùy theo nghĩa*?”

“Này Thiện Nam Tử! **Tùy theo** (Anugama) **hư không** (Ākāśa) là tùy theo nghĩa. Như hư không không có chỗ tùy theo thì tất cả Pháp nói (Thuyết Pháp) cũng không có chỗ tùy theo. Các Pháp không có **so sánh** (Anupama), không có ví dụ. Vì điều có được mà nói là có chỗ tùy theo”

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen Thiên Tử rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói. Bồ Tát đối với điều này chẳng nên kinh sợ. Tại sao thế? Vì nếu có chỗ để tùy theo thì chẳng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”

Kiên Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vị Hiện Ý Thiên Tử đó từ cõi Phật nào đi đến chốn này?”

Thiên Tử nói rằng: “Ông hỏi để làm gì?”

Kiên Ý đáp: “Nay tôi muốn biết phương ấy là chốn nào để làm lễ trụ xứ du hành của Đại Sĩ đó”

Thiên Tử nói rằng: “Nếu người thủ đắc Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội đó thì tất cả chư Thiên, người dân của Thế Gian đều nên lễ kính”

Bấy giờ Đức Phật bảo Kiên Ý: “Hiện Ý Thiên Tử đó từ Thế Giới **Diệu Hỷ** (Abhirati) của Đức Phật **A Súc** (Akṣobhya) đi đến nơi này. Người đây ở đó thường nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! Tất cả chư Phật, không có vị nào chẳng nói Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội.

Này Kiên Ý! **Hiện Ý** Thiên Tử đó ở **Thế Giới Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) này sẽ được thành Phật. Người đó muốn chặt đứt điều ác **năm trước** (Pañca-kaṣāya-prāhaṇa), **chọn lấy cõi Phật thanh tịnh** (Pariśuddha-buddha-kṣetra-parigrahaṇa) để **giáo hóa chúng sinh** (Sattva-praripācana), **tu tập** (Bhāvanā) **tăng trưởng** (Vardhana) Thủ Lăng Nghiêm cho nên đi đến chốn này”

Kiên Ý bạch Phật rằng: “Nay Thiên Tử này, **khoảng bao lâu** (Kiyacciram) sẽ ở Thế Giới này được thành Phật Đạo? Hiệu ấy thế nào? Thế Giới tên là gì?”

Đức Phật nói: “Thiên Tử đó trải qua ngàn vị Phật đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa) diệt độ xong, sáu mươi hai kiếp lại không có Phật, khoảng giữa chỉ có trăm ngàn vạn ức Bích Chi Phật xuất hiện. Trong thời gian ấy, chúng sinh được **gieo căn lành** (Kusala-mūlāny-avaropsiyanti). Qua kiếp đó xong, sẽ được thành Phật hiệu là **Tịnh Quang Xưng Vương Như Lai** (Vimala-prabhā-kīrti-rāja), khi ấy Thế Giới tên là **Tịnh**

Kiến (Prasanna-darśanā) Thời đó Đức Tịnh Quang Xung Vương Như Lai hay khiến cho **tâm** (Citta) của chúng sinh được **thanh tịnh** (Prasanna), chúng sinh trong Thế Giới chẳng bị **Tham dục** (Rāga), **giận dữ** (Dveṣa), **ngu si** (Moha) ngăn che, được **Pháp Tịnh Tín** (Dharma-prasāda) đều hành **Pháp lành** (Saddharma: Chính Pháp)

Này Kiến Ý! Đức Tịnh Quang Xung Vương Phật đó thọ mười **tiểu kiếp** (Antarākalpa), dùng Pháp của ba Thừa độ thoát chúng sinh. Trong đó, **vô lượng** (Apramāṇa) **vô biên** (Ananta) Bồ Tát được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, ở trong các Pháp được **sức tự tại** (Vikurvaṇa-bala). Bấy giờ **Ma** (Māra) hoặc **Ma Dân** (Māra-jātīya: chủng tộc Ma) đều tu **Đại Thừa** (Mahā-yāna), **thương lo cho chúng sinh** (Sattva-kāruṇika). Quốc Độ của Đức Phật ấy không có ba **neô ác** (Durgati) với các chôn có nạn, trang nghiêm trong sạch như **Uất Đan Việt** (Uttarāvati), không có mọi **việc Ma** (Māra-karman), lia các **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi). Sau khi Đức Phật diệt độ, Pháp trụ ngàn vạn ức năm.

Này Kiến Ý! Thiên Tử đó sẽ ở quốc độ thanh tịnh như vậy mà thành Phật Đạo”

Bấy giờ Kiến Ý Bồ Tát nói với Thiên Tử rằng: “Ông được lợi lớn! Đức Như Lai trao cho ông A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Kỳ”

Thiên Tử đáp rằng: “Này Thiện Nam Tử! Đối với tất cả Pháp không có chỗ được, đây gọi là lợi lớn. Đối với Pháp có chỗ được, đây tức không có lợi. Thiện Nam Tử! Chính vì thế nên biết nếu chẳng được Pháp, đây gọi là lợi lớn”

Lúc nói Pháp đó thời hai vạn năm ngàn Thiên Tử từng ở đời trước **gieo trồng gốc mọi Đức** (Avaropita-kuśala-mūla: gieo trồng căn lành) đều phát **Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anittara-samyasambodhi-citta), có một vạn Bồ Tát được **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti)

PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM MUỘI
QUYỀN THƯỢNG (Hết)